



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ VỤ, CỤC THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
CV THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG: 28 CHỈ TIÊU									
1	1	Hoàng Thúy An		15-07-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
2	2	Bùi Hoàng Anh		04-09-1994	CV TTGSNH	HVNH		DT Thái	
3	3	Bùi Mai Anh		22-06-1999	CV TTGSNH	HVNH			
4	4	Bùi Phương Anh		22-11-1999	CV TTGSNH	HVNH			
5	5	Cù Thị Quỳnh Anh		17-06-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
6	6	Đặng Thị Phương Anh		26-06-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
7	7	Đặng Thị Vân Anh		25-11-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
8	8	Đào Đức Anh	28-02-1994		CV TTGSNH	HVNH			
9	9	Đỗ Quỳnh Anh		08-06-2001	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
10	10	Đoàn Phạm Phương Anh		23-12-2000	CV TTGSNH	ĐH Quốc gia HN			
11	11	Đoàn Tuấn Anh	20-03-2001		CV TTGSNH	HVNH			
12	12	Giáp Nguyễn Tú Anh	28-03-2001		CV TTGSNH	HVNH			
13	13	Hà Thị Việt Anh		05-04-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
14	14	Hoàng Minh Anh	16-09-1997		CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
15	15	Hoàng Thị Lan Anh		01-08-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
16	16	Lê Ngọc Anh		29-08-1996	CV TTGSNH	HVNH			
17	17	Lê Phương Anh		20-04-1992	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
18	18	Lê Phương Anh		01-09-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
19	19	Lê Quang Anh	23-05-2000		CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			

M



STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
20	20	Lê Quỳnh Anh		12-05-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
21	21	Lê Quỳnh Anh		01-08-2000	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
22	22	Lê Thị Ngọc Anh		16-06-1994	CV TTGSNH	HV Tài Chính	Thạc sĩ NN		
23	23	Mai Đỗ Việt Anh	28-12-2001		CV TTGSNH	HVNH			
24	24	Nghiêm Thị Quỳnh Anh		04-06-1992	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân	Cử nhân ngoại ngữ		
25	25	Ngô Thị Phương Anh		03-02-1996	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
26	26	Nguyễn Hải Anh		09-06-2001	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
27	27	Nguyễn Hải Anh		26-07-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
28	28	Nguyễn Hoàng Anh		24-01-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
29	29	Nguyễn Hồng Anh		25-07-2001	CV TTGSNH	HVNH			
30	30	Nguyễn Huệ Anh		27-10-1999	CV TTGSNH	HVNH			
31	31	Nguyễn Hữu Đức Anh	28-07-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
32	32	Nguyễn Phương Anh		04-03-1994	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
33	33	Nguyễn Thị Lan Anh		15-08-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
34	34	Nguyễn Thị Lan Anh		28-10-1991	CV TTGSNH	HVNH			
35	35	Nguyễn Thị Lan Anh		21-06-1993	CV TTGSNH	ĐH Phương Đông			
36	36	Nguyễn Thị Minh Anh		06-12-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
37	37	Nguyễn Thị Minh Anh		24-03-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
38	38	Nguyễn Thị Phương Anh		04-04-2001	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
39	39	Nguyễn Thị Thục Anh		01-09-2001	CV TTGSNH	HVNH (LK Sunderland)			
40	40	Nguyễn Thị Thùy Anh		15-09-1998	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
41	41	Nguyễn Thị Trâm Anh		10-09-1993	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
42	42	Nguyễn Thị Vân Anh		15-07-1987	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
43	43	Nguyễn Thị Vân Anh		16-02-1995	CV TTGSNH	HV Hậu cần			
44	44	Nguyễn Văn Anh		17-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Thủy Lợi			
45	45	Phạm Diệu Anh		29-10-2000	CV TTGSNH	HVNH	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
46	46	Phạm Thị Ngọc Anh		17-09-1995	CV TTGSNH	HVNH			
47	47	Phạm Thị Ngọc Anh		07-12-2000	CV TTGSNH	HV Chính sách và phát triển			
48	48	Phạm Thị Vân Anh		04-11-2001	CV TTGSNH	HVNH			
49	49	Phạm Việt Anh	19-09-1999		CV TTGSNH	HVNH		Con bệnh binh	
50	50	Phạm Việt Phương Anh		14-09-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
51	51	Tạ Duy Anh	12-10-1999		CV TTGSNH	HV Tài Chính	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
52	52	Thái Vũ Ngọc Anh		15-06-1982	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
53	53	Tô Thị Vân Anh		17-01-1998	CV TTGSNH	HVNH			
54	54	Trần Thị Kim Anh		08-01-1993	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
55	55	Trần Tuấn Anh	17-10-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
56	56	Trịnh Thị Phương Anh		17-10-2001	CV TTGSNH	HVNH		DT Tày	
57	57	Vũ Bảo Quế Anh		17-09-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
58	58	Vũ Khôi Anh	23-10-1999		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
59	59	Vũ Phương Anh		24-07-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
60	60	Vũ Tiến Anh	13-05-1998		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
61	61	Chu Minh Ánh		20-08-2001	CV TTGSNH	HVNH			
62	62	Chu Thị Quỳnh Ánh		12-07-1998	CV TTGSNH	ĐH Quốc gia HN			
63	63	Mai Ngọc Ánh		04-02-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
64	64	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		20-08-1997	CV TTGSNH	HVNH			
65	65	Phạm Ngọc Ánh		24-11-1996	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
66	66	Phạm Thị Minh Ánh		18-01-2000	CV TTGSNH	ĐH Thương mại	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
67	67	Đỗ Ngọc Bích		11-08-1996	CV TTGSNH	HVNH			
68	68	Nguyễn Thị Bích		02-03-2000	CV TTGSNH	HVNH			
69	69	Trần Ngọc Bích		17-07-1999	CV TTGSNH	ĐH Lao Động - Xã Hội			
70	70	Trần Thanh Bình	15-09-1998		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
71	71	Vũ Thanh Bình		05-05-1999	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
72	72	Vũ Thanh Bình	27-09-1988		CV TTGSNH	HVNH			
73	73	Vũ Minh Châu	16-12-1999		CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
74	74	Bùi Linh Chi		29-09-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
75	75	Lê Thị Kim Chi		07-03-1995	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
76	76	Nguyễn Hoàng Linh Chi		10-01-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
77	77	Phạm Mai Chi		13-05-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
78	78	Trần Khánh Chi		24-03-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
79	79	Trần Thị Lan Chi		01-11-1995	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
80	80	Trần Thị Linh Chi		13-11-1999	CV TTGSNH	ĐH kinh tế Nga Plekhanov	Học ĐH tại nước ngoài		
81	81	Vũ Thị Linh Chi		23-07-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
82	82	Nguyễn Duy Chiến	08-05-2000		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
83	83	Hoàng Thị Kiều Chinh		29-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
84	84	Ngô Lan Chinh		25-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
85	85	Vũ Việt Chinh		02-07-1999	CV TTGSNH	HVNH			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
86	86	Nguyễn Văn Chúc	22-07-1985		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
87	87	Nguyễn Huy Chung	02-01-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính		DT Thái	
88	88	Đinh Kim Cương	12-08-1989		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
89	89	Trần Hữu Cường	21-01-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
90	90	Trịnh Mạnh Cường	08-02-1997		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
91	91	Trần Quang Đại	26-03-1995		CV TTGSNH	HVNH			
92	92	Nguyễn Tiến Danh	03-04-2001		CV TTGSNH	HVNH			
93	93	Lê Quốc Đạt	29-10-2001		CV TTGSNH	HV Chính sách và phát triển			
94	94	Lương Tất Đạt	07-09-1993		CV TTGSNH	HVNH			
95	95	Nguyễn Thành Đạt	15-09-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
96	96	Vũ Thành Đạt	02-08-1996		CV TTGSNH	Trường Kinh doanh Paris PSB	ĐH-ThS NN		
97	97	Hoàng Bích Diệp		07-01-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương		DT Tây	
98	98	Hoàng Phương Diệp		06-10-1984	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
99	99	Nghiêm Minh Diệp		24-10-1999	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
100	100	Nguyễn Thị Minh Diệp		07-10-1995	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
101	101	Nông Bích Diệp		20-08-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính		DT Tây	
102	102	Bàn Văn Diệp	08-09-1993		CV TTGSNH	HVNH	Cử nhân ngoại ngữ	DT Dao	
103	103	Nguyễn Văn Đình	23-02-1998		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
104	104	Phạm Thị Dịu		27-12-1992	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
105	105	Dương Khắc Đông	15-10-1994		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
106	106	Nguyễn Minh Đông	09-05-2001		CV TTGSNH	HVNH			
107	107	Đinh Minh Đức	16-04-2001		CV TTGSNH	University of Wollongong, Australia	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
108	108	Đỗ Trung Đức	18-09-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
109	109	Hà Minh Đức	21-10-1998		CV TTGSNH	HV Tài Chính	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		
110	110	Nguyễn Bá Đức	12-01-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
111	111	Nguyễn Đình Đức	04-03-1997		CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
112	112	Trần Anh Đức	28-06-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
113	113	Đoàn Thanh Dung		21-02-2001	CV TTGSNH	HV Ngoại giao			
114	114	Nguyễn Thị Kim Dung		14-09-1991	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
115	115	Nguyễn Thị Mỹ Dung		16-11-2001	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
116	116	Nguyễn Thị Phương Dung		22-10-2000	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
117	117	Trần Phương Dung		18-12-1998	CV TTGSNH	HVNH			
118	118	Trần Thị Thùy Dung		07-12-1992	CV TTGSNH	HVNH	Cử nhân ngoại ngữ		
119	119	Trịnh Thuý Dung		17-10-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
120	120	Đỗ Anh Dũng	25-03-1996		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
121	121	Đoàn Quốc Dũng	14-02-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
122	122	Nguyễn Việt Dũng	09-08-1990		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
123	123	Nguyễn Xuân Trí Dũng	16-08-2000		CV TTGSNH	ĐH Mỏ Hà Nội			
124	124	Trịnh Trung Dũng	16-11-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
125	125	Bùi Thái Dương	01-01-2000		CV TTGSNH	HVNH			
126	126	Hoàng Tùng Dương	08-11-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
127	127	Nguyễn Duy Dương	02-11-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
128	128	Phạm Tuấn Dương	06-12-1996		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
129	129	Trần Thùy Dương		20-07-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
130	130	Trần Thùy Dương		18-01-2001	CV TTGSNH	HVNH			
131	131	Vũ Thủy Dương		16-01-1996	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
132	132	Đỗ Tất Duy	10-03-2000		CV TTGSNH	HV Tài Chính		DT Dao	
133	133	Nguyễn Khánh Duy	26-12-2001		CV TTGSNH	HV Tài Chính			
134	134	Phạm Hồng Duy	25-06-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
135	135	Trần Tiến Duy	22-10-1999		CV TTGSNH	HVNH			
136	136	Hoàng Thuý Duyên		22-11-1998	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
137	137	Lê Mỹ Duyên		22-06-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
138	138	Thân Thị Duyên		20-09-1990	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
139	139	Đỗ Hương Giang		27-03-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
140	140	Đoàn Hương Giang		12-10-1998	CV TTGSNH	ĐH Tài nguyên môi trường			
141	141	Lê Hoàng Giang	01-08-1992		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
142	142	Lê Trần Thu Giang		08-11-2000	CV TTGSNH	HVNH			
143	143	Nguyễn Hương Giang		09-08-2001	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
144	144	Nguyễn Thị Hương Giang		17-12-2000	CV TTGSNH	HVNH			
145	145	Nguyễn Thị Quỳnh Giang		02-12-1991	CV TTGSNH	HVNH			
146	146	Trần Thu Giang		27-02-1995	CV TTGSNH	HVNH			
147	147	Tường Thị Giang		14-04-1990	CV TTGSNH	HVNH			
148	148	Bùi Thị Thái Hà		21-09-1986	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
149	149	Đặng Ngọc Hà		29-11-1998	CV TTGSNH	ĐH Thương mại		DT Tây	
150	150	Hoàng Nguyễn Việt Hà		23-08-2001	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
151	151	Lê Hồng Hà	23-01-1999		CV TTGSNH	HVNH			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
152	152	Ngô Thị Thu Hà		27-06-1996	CV TTGSNH	HV Hậu Cần			
153	153	Nguyễn Diệu Hà		02-12-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
154	154	Nguyễn Thị Hà		20-06-1994	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
155	155	Nguyễn Thị Hoàng Hà		11-01-1999	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
156	156	Phạm Lê Hà		26-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
157	157	Phan Sơn Hà	26-07-1991		CV TTGSNH	HVNH			
158	158	Trần Thị Hải Hà		21-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Tài chính Marketing			
159	159	Trần Thị Thu Hà		14-10-1998	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
160	160	Trần Thị Thu Hà		19-10-2000	CV TTGSNH	HV Chính sách và phát triển			
161	161	Trịnh Văn Hà	19-05-1993		CV TTGSNH	HV Hậu Cần			
162	162	Vũ Thị Hà		08-03-1991	CV TTGSNH	ĐH Tài chính ngân hàng HN		DT Tày	
163	163	Vũ Thị Mai Hà		27-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
164	164	Nguyễn Đức Hải	13-08-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
165	165	Nguyễn Ngọc Hải		22-04-1994	CV TTGSNH	HVNH			
166	166	Nguyễn Phi Hải	31-08-2001		CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
167	167	Nguyễn Thanh Hải	07-10-1997		CV TTGSNH	ĐH Tây Anh Quốc Bristol			
168	168	Nguyễn Văn Hải	18-11-1991		CV TTGSNH	ĐH Lao Động Xã Hội			
169	169	Trần Thanh Hải		30-04-1991	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
170	170	Vũ Thị Hân		15-11-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
171	171	Bùi Thu Hằng		11-12-1993	CV TTGSNH	HVNH			
172	172	Chữ Thu Hằng		08-03-1996	CV TTGSNH	ĐH Bedfordshire - Anh Quốc liên kết ĐH NT	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
173	173	Đặng Thị Thu Hằng		17-07-1996	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
174	174	Đỗ Thuý Hằng		22-08-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
175	175	Lữ Thu Hằng		18-02-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
176	176	Nguyễn Thanh Hằng		18-07-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
177	177	Nguyễn Thị Thanh Hằng		23-03-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
178	178	Nguyễn Thị Thu Hằng		20-02-1996	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
179	179	Nguyễn Thu Hằng		17-12-1990	CV TTGSNH	ĐH Thăng Long			
180	180	Nguyễn Thúy Hằng		16-12-1991	CV TTGSNH	ĐH Lâm Nghiệp			
181	181	Phạm Thị Thu Hằng		24-05-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
182	182	Trần Thị Hằng		05-11-1998	CV TTGSNH	HV Tài Chính			
183	183	Trần Thị Thúy Hằng		11-08-1994	CV TTGSNH	HVNH			
184	184	Trần Thu Hằng		12-08-1986	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
185	185	Trần Vũ Thúy Hằng		16-09-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN		Con thương binh	
186	186	Vũ Thanh Hằng		06-09-2001	CV TTGSNH	HVNH			
187	187	Đào Hồng Hạnh		13-06-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
188	188	Đào Thị Hồng Hạnh		15-12-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
189	189	Lê Mỹ Hạnh		17-06-1991	CV TTGSNH	ĐH Công nghệ Giao thông vận tải			
190	190	Mê Thị Hồng Hạnh		07-09-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Thái	
191	191	Trương Mỹ Hạnh		18-03-1989	CV TTGSNH	HVNH		Con thương binh	
192	192	Trương Thanh Hậu		14-07-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
193	193	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CV TTGSNH	HVNH			
194	194	Đặng Thị Thu Hiền		20-10-1996	CV TTGSNH	HVTC			
195	195	Nguyễn Thị Thu Hiền		15-09-1993	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		Con thương binh	
196	196	Nguyễn Thu Hiền		06-07-2000	CV TTGSNH	HV Công nghệ Bưu Chính Viễn thông			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
197	197	Phạm Thị Hiền		03-05-1990	CV TTGSNH	ĐH Thăng Long			
198	198	Phạm Thị Phương Hiền		17-01-1999	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
199	199	Tôn Thanh Hiền		05-09-1991	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
200	200	Trần Thu Hiền		28-11-1999	CV TTGSNH	HVNH			
201	201	Phù Quốc Hiệp	22-06-1994		CV TTGSNH	ĐH Cần Thơ		DT Hoa	
202	202	Đinh Trọng Hiếu	27-01-1998		CV TTGSNH	HVTC			
203	203	Nguyễn Quang Hiếu	01-01-2001		CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
204	204	Trần Minh Hiếu	07-06-1995		CV TTGSNH	HVNH			
205	205	Trần Thanh Hiếu	09-10-1998		CV TTGSNH	HVNH			
206	206	Lê Thị Hồng Hoa		10-10-1989	CV TTGSNH	HVTC			
207	207	Nguyễn Ngọc Lan Hoa		10-09-1999	CV TTGSNH	HVNH			
208	208	Nguyễn Thị Hoa		12-01-1995	CV TTGSNH	HVTC			
209	209	Nguyễn Thị Hoa		29-08-1996	CV TTGSNH	HVNH			
210	210	Nguyễn Minh Hòa		21-09-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
211	211	Bùi Huy Hoàng	08-12-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
212	212	Đỗ Minh Hoàng	23-12-2001		CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
213	213	Mai Huy Hoàng	03-07-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
214	214	Nguyễn Hữu Hoàng	06-12-1998		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
215	215	Nguyễn Huy Hoàng	16-08-1992		CV TTGSNH	HVNH			
216	216	Phan Diệu Hoàng		05-10-2001	CV TTGSNH	Trường Quốc Tế - ĐHQGHN			
217	217	Đào Thị Xuân Hồng		11-10-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Mường	
218	218	Nguyễn Thị Nguyên Hồng		10-03-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
219	219	Lưu Thị Bích Hợp		01-03-1984	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
220	220	Chu Thị Kim Huế		03-04-1997	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương		DT Nùng	
221	221	Lê Thị Thanh Huệ		20-07-1998	CV TTGSNH	HVNH			
222	222	Lê Thị Thu Huệ		09-03-1992	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
223	223	Lương Minh Huệ		22-02-2001	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển		DT Nùng	
224	224	Phạm Thị Huệ		29-06-1993	CV TTGSNH	ĐH Giao thông vận tải			
225	225	Trần Minh Huệ		09-12-1993	CV TTGSNH	HVNH			
226	226	Bùi Mạnh Hùng	04-10-2000		CV TTGSNH	HVTC			
227	227	Đặng Trần Minh Hùng	07-03-1988		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
228	228	Đào Xuân Hùng	17-01-2001		CV TTGSNH	HVTC			
229	229	Mạc Quốc Hùng	11-09-1995		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
230	230	Trần Nguyên Hùng	14-07-1995		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng			
231	231	Nguyễn Khắc Hưng	16-12-1996		CV TTGSNH	HVNH			
232	232	Trần Khải Hưng	27-04-1984		CV TTGSNH	HVNH			
233	233	Bùi Thị Hương		17-09-1995	CV TTGSNH	HVNH			
234	234	Hà Thị Mai Hương		18-08-1998	CV TTGSNH	HVTC			
235	235	Khúc Thanh Hương		31-12-1996	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
236	236	Ngo Quỳnh Hương		22-09-1995	CV TTGSNH	HVTC			
237	237	Nguyễn Thị Hương		12-07-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
238	238	Nguyễn Thị Hương		15-02-1993	CV TTGSNH	ĐH Công nghiệp HN		Con người bị nhiễm CDHH	
239	239	Nguyễn Trúc Hương		07-01-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
240	240	Phạm Ngọc Lan Hương		18-04-1999	CV TTGSNH	HVNH - Sunderland	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
241	241	Phạm Thị Thu Hương		06-03-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
242	242	Tô Thị Lan Hương		31-10-1996	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế & QTKD Thái Nguyên			
243	243	Trần Thị Hương		13-07-1998	CV TTGSNH	HVTC			
244	244	Vũ Lan Hương		14-01-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
245	245	Vương Hoàng Mai Hương		30-07-1998	CV TTGSNH	HVNH		DT Tày	
246	246	Nguyễn Thị Hương		11-11-1991	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
247	247	Nguyễn Thị Bích Hương		20-01-2001	CV TTGSNH	HVTC			
248	248	Nguyễn Thị Thu Hương		15-05-1992	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
249	249	Phạm Thị Hương		27-04-1994	CV TTGSNH	HVNH			
250	250	Giang Nam Huy	05-02-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
251	251	Hà Văn Huy	16-11-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
252	252	Hồ Sỹ Huy	14-09-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
253	253	Hoàng Đình Huy	14-05-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
254	254	Hoàng Trọng Huy	24-12-2001		CV TTGSNH	ĐH Hải Phòng			
255	255	Lê Bảo Huy	08-07-2000		CV TTGSNH	ĐH Tài chính ngân hàng HN			
256	256	Phạm Thị Huyền		28-09-1985	CV TTGSNH	HVNH			
257	257	Bùi Thị Huyền		01-12-1996	CV TTGSNH	HVNH			
258	258	Bùi Thị Thu Huyền		21-06-2000	CV TTGSNH	ĐH Mỏ - Địa Chất			
259	259	Đỗ Thị Huyền		10-02-1999	CV TTGSNH	HVNH			
260	260	Hà Thị Thu Huyền		08-05-1997	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
261	261	Ngô Thị Thu Huyền		20-04-1997	CV TTGSNH	HVTC			
262	262	Nguyễn Thanh Huyền		01-01-1992	CV TTGSNH	HVNH			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
263	263	Nguyễn Thị Huyền		21-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
264	264	Nguyễn Thị Thu Huyền		27-11-1996	CV TTGSNH	HVNH			
265	265	Nguyễn Thị Thu Huyền		09-11-1994	CV TTGSNH	HVNH		Con thương binh	
266	266	Phạm Thị Huyền		08-01-1990	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
267	267	Trần Thị Thu Huyền		23-05-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
268	268	Trịnh Khánh Huyền		12-12-2000	CV TTGSNH	ĐH Tài chính ngân hàng HN			
269	269	Vương Thảo Huyền		01-04-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
270	270	Thang Thị Kết		28-09-1992	CV TTGSNH	HVNH		DT Tây	
271	271	Linh Đức Khải	29-10-1998		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Tây	
272	272	Lâm Bảo Khanh	11-09-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
273	273	Bùi Quốc Khánh	27-09-1991		CV TTGSNH	ĐH Phương Đông			
274	274	Dương Ngọc Khánh	17-04-1999		CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
275	275	Nguyễn Duy Khánh	08-01-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
276	276	Nguyễn Thị Ngọc Khánh		31-08-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
277	277	Nguyễn Trường Khánh	06-06-1997		CV TTGSNH	ĐH Mở TP HCM			
278	278	Lưu Ngọc Kiên	22-10-1998		CV TTGSNH	HVNH			
279	279	Nguyễn Đức Kiên	29-08-1999		CV TTGSNH	HVTC	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
280	280	Nguyễn Trung Kiên	15-06-2001		CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
281	281	Phan Trung Kiên	13-12-1997		CV TTGSNH	HVNH			
282	282	Trần Mạnh Kiên	21-06-2001		CV TTGSNH	HVTC			
283	283	Lê Tuấn Kiệt	25-11-1999		CV TTGSNH	HVTC			
284	284	Chu Ngọc Lam		11-03-2001	CV TTGSNH	HVNH			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
285	285	Hoàng Thị Thanh Lam		09-01-1995	CV TTGSNH	HVNH			
286	286	Trịnh Thị Thu Lam		26-11-1986	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
287	287	Đặng Tùng Lâm	19-10-1995		CV TTGSNH	ĐH Bách khoa HN			
288	288	Nguyễn Bá Phan Lâm	07-11-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
289	289	Nguyễn Như Bá Lâm	12-10-1998		CV TTGSNH	HVTC			
290	290	Phạm Quang Lâm	01-02-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
291	291	Lý Văn Lanh	05-10-1984		CV TTGSNH	HVNH		DT San Chí	
292	292	Nguyễn Thị Hồng Lanh		02-09-1994	CV TTGSNH	HVNH	Cử nhân ngoại ngữ		
293	293	Trịnh Thị Lệ		21-10-1993	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
294	294	Lường Thị Liêm		06-04-2000	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn		DT Thái	
295	295	Bùi Khánh Linh		17-10-2001	CV TTGSNH	HVNH			
296	296	Bùi Phạm Thuý Linh		03-01-2000	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
297	297	Bùi Thị Mai Linh		04-06-1991	CV TTGSNH	HVTC			
298	298	Bùi Thùy Linh		08-05-1994	CV TTGSNH	HVTC			
299	299	Đặng Ngọc Linh		04-01-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
300	300	Đặng Ngọc Mai Linh		26-11-2000	CV TTGSNH	HVTC			
301	301	Đặng Thị Thuý Linh		11-12-1996	CV TTGSNH	ĐH Thái Bình			
302	302	Đặng Thị Thùy Linh		18-09-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương		Con bệnh binh	
303	303	Đặng Thuý Linh		15-08-1997	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
304	304	Đặng Thùy Linh		24-04-2000	CV TTGSNH	HVNH			
305	305	Đặng Việt Linh	20-04-2000		CV TTGSNH	HVTC			
306	306	Đào Thị Khánh Linh		22-12-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
307	307	Đoàn Thị Ánh Linh		22-12-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
308	308	Hoàng Khánh Linh		22-07-1999	CV TTGSNH	HVNH			
309	309	Hoàng Ngọc Linh		09-01-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Nùng	
310	310	Hoàng Thị Ngọc Linh		21-08-2001	CV TTGSNH	ĐH Tài chính Marketing		DT Tày	
311	311	Lê Khánh Linh		18-11-2000	CV TTGSNH	HVNH			
312	312	Lưu Thùy Linh		13-09-2001	CV TTGSNH	HVNH			
313	313	Ma Thị Linh		19-05-1994	CV TTGSNH	ĐH Giao thông vận tải		DT Tày	
314	314	Ngô Thị Ngọc Linh		20-04-1995	CV TTGSNH	ĐH Hà Nội			
315	315	Ngô Thị Phương Linh		02-09-2000	CV TTGSNH	HVTC			
316	316	Nguyễn Hạnh Linh		03-01-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế và QTKD Thái Nguyên			
317	317	Nguyễn Khánh Linh		28-11-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
318	318	Nguyễn Khánh Linh		16-10-1996	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
319	319	Nguyễn Khánh Linh		23-11-2000	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
320	320	Nguyễn Mai Linh		12-05-2001	CV TTGSNH	HVNH			
321	321	Nguyễn Phương Linh		20-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
322	322	Nguyễn Phương Linh		06-11-1999	CV TTGSNH	HVNH			
323	323	Nguyễn Thanh Vũ Linh	22-10-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
324	324	Nguyễn Thảo Linh		13-01-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
325	325	Nguyễn Thị Linh		08-01-2001	CV TTGSNH	HVNH			
326	326	Nguyễn Thị Thảo Linh		15-02-2001	CV TTGSNH	HVTC			
327	327	Nguyễn Thị Thùy Linh		06-10-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
328	328	Nguyễn Tùng Linh		29-07-1989	CV TTGSNH	ĐH Warwick			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
329	329	Phạm Nguyễn Diệu Linh		28-11-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
330	330	Phạm Thị Khánh Linh		24-03-1996	CV TTGSNH	HVNH			
331	331	Phạm Thị Thuý Linh		02-04-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
332	332	Phan Mỹ Linh		07-12-1996	CV TTGSNH	HVNH			
333	333	Trần Hồng Hạnh Linh		05-03-1994	CV TTGSNH	ĐH Tài chính - Ngân hàng HN			
334	334	Trần Khánh Linh		09-07-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
335	335	Trần Phương Linh		14-03-2001	CV TTGSNH	HVTC			
336	336	Trần Thảo Linh		18-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương		DT Thỏ	
337	337	Trần Thị Linh		13-12-1995	CV TTGSNH	HVTC			
338	338	Trịnh Khánh Linh		16-11-1994	CV TTGSNH	ĐH Sunderland	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
339	339	Vì Thị Hải Linh		27-05-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương		DT Nùng	
340	340	Vũ Duy Linh	04-09-1993		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
341	341	Vũ Mai Linh		12-11-1999	CV TTGSNH	HVNH	Cử nhân ngoại ngữ		
342	342	Vũ Thị Thuý Linh		13-09-1997	CV TTGSNH	HVTC			
343	343	Nguyễn Hồng Linh	05-04-1998		CV TTGSNH	HVNH			
344	344	Nguyễn Bích Loan		22-10-1998	CV TTGSNH	HVTC			
345	345	Tăng Sơn Lộc	16-8-1998		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
346	346	Bùi Hải Long	16-01-1992		CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
347	347	Dương Kim Long	29-09-2000		CV TTGSNH	HVNH			
348	348	Nguyễn Danh Khánh Long	25-01-1997		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
349	349	Nguyễn Thành Long	16-12-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
350	350	Nguyễn Thành Long	23-10-1999		CV TTGSNH	University of London	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
351	351	Nguyễn Văn Thành Long	19-02-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
352	352	Kha Thị Luân		27-08-1987	CV TTGSNH	HVNH		DT Thái	
353	353	Nguyễn Khánh Ly		19-09-1996	CV TTGSNH	HVNH			
354	354	Vũ Thị Lý		11-10-1999	CV TTGSNH	ĐH Tài chính ngân hàng HN			
355	355	Bùi Hiền Mai		12-08-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Mường	
356	356	Lê Thị Thanh Mai		03-04-2001	CV TTGSNH	ĐH Công nghiệp HN			
357	357	Long Huyền Mai		04-07-2000	CV TTGSNH	HVNH		DT Nùng	
358	358	Lương Thị Ngọc Mai		20-07-1999	CV TTGSNH	HVNH			
359	359	Nguyễn Thị Ngọc Mai		18-08-1998	CV TTGSNH	HVTC			
360	360	Trần Như Mai		06-06-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
361	361	Trần Thị Thanh Mai		22-03-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
362	362	Đinh Đức Mạnh	20-06-2001		CV TTGSNH	ĐH Thủy Lợi			
363	363	Nguyễn Đức Mạnh	15-01-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
364	364	Nguyễn Thị Mến		19-09-1991	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
365	365	Nguyễn Thị Hà Mi		13-08-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
366	366	Phạm Thị Thảo Mi		13-07-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
367	367	Trần Thị Miên		10-02-1998	CV TTGSNH	ĐH Bách khoa HN			
368	368	Nguyễn Tiến Minh	25-11-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
369	369	Nguyễn Tuấn Minh		26-08-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
370	370	Trịnh Lê Minh	09-11-2000		CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
371	371	Vũ Đặng Tường Minh	23-08-2001		CV TTGSNH	HVNH			
372	372	Nguyễn Cự Mười	23-09-1997		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp		H.thành nghĩa vụ CAND	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
373	373	Hoàng Vũ Hiền My		01-02-2001	CV TTGSNH	HVTC			
374	374	Nguyễn Hà My		03-09-1993	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
375	375	Nguyễn Huyền My		18-04-2001	CV TTGSNH	HVTC			
376	376	Nguyễn Thu Hà My		03-09-1998	CV Thanh tra, giám sát NH	ĐH Ngoại Thương			
377	377	Phạm Thị Trà My		28-11-1998	CV TTGSNH	HVTC			
378	378	Trần Thị Trà My		17-10-1999	CV TTGSNH	HVNH			
379	379	Lê Nhật Mỹ		20-02-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
380	380	Phan Thị Na Na		21-02-1986	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
381	381	Nguyễn Hà Nam	21-07-1999		CV TTGSNH	HVNH			
382	382	Phùng Hải Nam	18-11-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
383	383	Trần Đại Nam	18-05-1992		CV TTGSNH	Viện Đại Học Mở Hà Nội			
384	384	Đặng Thị Nga		10-02-1997	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
385	385	Hồ Thanh Nga		27-09-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
386	386	Nguyễn Quỳnh Nga		19-03-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
387	387	Nguyễn Việt Nga		09-08-1993	CV TTGSNH	HVTC			
388	388	Trần Thị Nga		03-06-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
389	389	Trần Thị Thanh Nga		07-06-1987	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
390	390	Đinh Thị Ngân		27-06-2001	CV TTGSNH	ĐH Tài chính ngân hàng HN		DT Mường	
391	391	Hoàng Nguyễn Ngọc Ngân		18-12-2000	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn		DT Mường	
392	392	Lưu Thị Tường Ngân		14-10-2000	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn			
393	393	Nguyễn Lê Quỳnh Ngân		09-10-1993	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
394	394	Nguyễn Thị Thanh Ngân		16-11-1999	CV TTGSNH	HVNH			

H

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
395	395	Phan Bảo Ngân		25-12-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
396	396	Ngô Thị Ngân		06-03-1998	CV TTGSNH	HVTC			
397	397	Nguyễn Thị Thuý		06-03-1979	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		Con thương binh	
398	398	Lê Hữu Nghĩa	10-06-1987		CV TTGSNH	ĐH Ngân hàng TP HCM			
399	399	Phạm Hữu Nghĩa	21-09-1996		CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
400	400	Chu Hồng Ngọc		14-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
401	401	Đặng Minh Ngọc		20-04-1988	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
402	402	Đỗ Thu Ngọc		07-09-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
403	403	Đoàn Thị Ánh Ngọc		19-09-1984	CV TTGSNH	HVTC			
404	404	Hoàng Bảo Ngọc		09-08-1998	CV TTGSNH	HVTC			
405	405	Hoàng Tuấn Ngọc	07-01-1997		CV TTGSNH	HVNH			
406	406	Lê Thị Bích Ngọc		28-09-1996	CV TTGSNH	HVNH			
407	407	Lê Thúy Ngọc		14-10-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
408	408	Nguyễn Lê Ngọc		13-02-2001	CV TTGSNH	HVTC			
409	409	Nguyễn Minh Ngọc		07-01-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
410	410	Nguyễn Thị Ngọc		10-03-1983	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		Con thương binh	
411	411	Nguyễn Thị Ngọc		29-04-1998	CV TTGSNH	HVTC			
412	412	Tạ Thị Ngọc		02-10-2000	CV TTGSNH	ĐH FPT			
413	413	Trần Minh Ngọc		29-12-1990	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
414	414	Trương Thị Bích Ngọc		05-12-1989	CV TTGSNH	ĐH Chu Văn An			
415	415	Vũ Thúy Ngọc		12-12-1997	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn			
416	416	Cao Dương Bình Nguyên	19-11-2000		CV TTGSNH	ĐH Hải Dương			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
417	417	Lê Như Nguyệt		01-03-2000	CV TTGSNH	HVNH			
418	418	Bế Minh Nhã		30-08-1994	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Tày	
419	419	Dương Thu Nhã		12-01-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Tày	
420	420	Trần Tuấn Nhã	21-08-1991		CV TTGSNH	ĐH Toulon Var			
421	421	Đào Thị Nhân		02-06-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương		Con thương binh	
422	422	Cao Minh Nhật		02-06-2001	CV TTGSNH	HVTC		DT Tày	
423	423	Hà Hạnh Nhi		08-08-2001	CV TTGSNH	HVNH			
424	424	Quách Yến Nhi		12-02-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
425	425	Đỗ Thị Nhung		18-04-1996	CV TTGSNH	HVNH			
426	426	Đoàn Thị Hồng Nhung		26-07-1998	CV TTGSNH	ĐH Luật - ĐHQGHN			
427	427	Nguyễn Lê Hồng Nhung		13-01-2001	CV TTGSNH	Trường Quốc Tế - ĐHQGHN			
428	428	Nguyễn Thị Hồng Nhung		17-10-1994	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
429	429	Nguyễn Thị Hồng Nhung		06-01-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
430	430	Nguyễn Thị Trang Nhung		20-01-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
431	431	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
432	432	Trần Thị Nhung		08-09-1998	CV TTGSNH	HVNH		DT Cao Lan	
433	433	Trần Thị Khánh Ninh		16-09-1991	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
434	434	Lê Thái Nữ		13-04-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
435	435	Đỗ Thị Oanh		15-12-1993	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn			
436	436	Trịnh Anh Pháp	12-02-1989		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		Con bệnh binh	
437	437	Đào Đức Phú	16-10-1995		CV TTGSNH	HVNH			
438	438	Lê Xuân Phú	26-08-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
439	439	Nguyễn Vũ Hoàng Phước	30-04-1992		CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương		Con thương binh	
440	440	Đào Hồng Phương		12-12-2000	CV TTGSNH	HVTC			
441	441	Đỗ Nguyễn Bảo Phương		31-01-1999	CV TTGSNH	HVTC	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
442	442	Đoàn Thị Thu Phương		05-03-2001	CV TTGSNH	HVNH			
443	443	Dương Thị Phương		22-11-1993	CV TTGSNH	ĐH Điện lực			
444	444	Dương Thu Phương		05-09-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
445	445	Hoàng Thị Phương		25-09-1987	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
446	446	Mai Thị Huyền Phương		29-01-1996	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
447	447	Ngô Lan Phương		19-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
448	448	Ngô Thị Minh Phương		05-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn			
449	449	Nguyễn Hà Phương		12-03-2001	CV TTGSNH	ĐH West of England - ĐH KTQD			
450	450	Nguyễn Thị Hà Phương		27-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
451	451	Nguyễn Thị Liên Phương		25-12-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
452	452	Nguyễn Thị Minh Phương		02-02-1989	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
453	453	Nguyễn Thị Minh Phương		11-10-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
454	454	Nguyễn Thị Thu Phương		16-04-1998	CV TTGSNH	HVTC			
455	455	Nguyễn Thị Thu Phương		26-07-1994	CV TTGSNH	HVNH			
456	456	Nông Hà Phương		15-12-2001	CV TTGSNH	HVTC		DT Tày	
457	457	Phan Thị Mai Phương		02-08-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
458	458	Phan Thị Thu Phương		25-11-1996	CV TTGSNH	HV Nông nghiệp VN			
459	459	Tạ Hà Phương		05-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
460	460	Trần Thu Phương		26-08-1998	CV TTGSNH	HVNH	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		

M

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
461	461	Triệu Thu Phương		01-11-2000	CV TTGSNH	HVTC		DT Dao	
462	462	Trương Thảo Phương		03-06-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
463	463	Trương Thị Nam Phương		22-03-2001	CV TTGSNH	HVNH			
464	464	Vũ Hải Linh Phương		08-03-1994	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp			
465	465	Vũ Mai Phương		30-01-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
466	466	Vũ Mai Phương		10-05-2001	CV TTGSNH	HVNH			
467	467	Vương Thảo Phương		31-12-2000	CV TTGSNH	HVTC			
468	468	Lưu Ngọc Phương		21-11-1990	CV TTGSNH	HVNH			
469	469	Hoàng Ngọc Quân	14-05-1996		CV TTGSNH	HVNH			
470	470	Lê Hùng Quân	02-09-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
471	471	Phan Hồng Quân	11-05-2001		CV TTGSNH	HVNH			
472	472	Cần Thị Minh Quý		08-09-1996	CV TTGSNH	HVNH			
473	473	Hoàng Thị Quyên		31-07-1992	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
474	474	Nguyễn Lê Quyên		23-09-1997	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
475	475	Nguyễn Lê Tú Quyên		10-03-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
476	476	Trần Thị Quyên		01-02-1995	CV TTGSNH	HVNH			
477	477	Tạ Văn Quyền	20-11-1995		CV TTGSNH	HVNH			
478	478	Trương Đình Quyền	10-08-1998		CV TTGSNH	HVNH			
479	479	Bùi Như Quỳnh		28-3-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
480	480	Dư Thị Quỳnh		23-02-1999	CV TTGSNH	HVNH - phân viện Bắc Ninh			
481	481	Dương Thị Hương Quỳnh		28-03-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
482	482	Hà Diễm Quỳnh		17-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Mở Hà Nội		DT Tây	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
483	483	Lương Ngọc Quỳnh		11-10-2000	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
484	484	Ngô Thị Thu Quỳnh		15-09-1993	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
485	485	Nguyễn Phương Quỳnh		29-12-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
486	486	Nguyễn Thị Quỳnh		23-02-1996	CV TTGSNH	HVTC			
487	487	Nguyễn Thị Quỳnh		22-05-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
488	488	Nguyễn Thị Quỳnh		04-08-1990	CV TTGSNH	ĐH Vinh			
489	489	Phạm Diễm Quỳnh		28-02-2001	CV TTGSNH	HVNH			
490	490	Vương Thị Hương Quỳnh		14-11-1988	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
491	491	Ninh Khắc Sáng	22-03-1991		CV TTGSNH	HVTC		Con thương binh	
492	492	Hoàng Thị Mai Sen		08-08-1988	CV TTGSNH	HVNH			
493	493	Lục Thái Sơn	10-08-1993		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN		DT Nùng	
494	494	Nguyễn Thái Sơn	02-10-1995		CV TTGSNH	HVNH			
495	495	Tướng Thu Sơn		23-11-1991	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
496	496	Lê Minh Tâm	28-10-2001		CV TTGSNH	HVTC			
497	497	Dương Đình Tân	11-03-1992		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
498	498	Nguyễn Phạm Tân	18-09-1999		CV TTGSNH	Fpt Greenwich			
499	499	Nguyễn Duy Tấn	16-12-2001		CV TTGSNH	HVTC			
500	500	Vũ Xuân Thái	29-09-1993		CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		
501	501	Nguyễn Đức Thắng	04-01-2001		CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
502	502	Nguyễn Minh Thắng	01-05-1991		CV TTGSNH	ĐH Thăng Long			
503	503	Nguyễn Ngọc Thắng	26-01-1999		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
504	504	Phan Đức Thắng	04-02-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
505	505	Đới Văn Thanh	19-06-1992		CV TTGSNH	HVNH			
506	506	Nguyễn Minh Thanh	30-01-1993		CV TTGSNH	ĐH Paris Ouest Nanterre La Defense Ufr			
507	507	Nguyễn Thị Thanh		23-09-1993	CV TTGSNH	ĐH Công nghiệp HN			
508	508	Nguyễn Thị Phương Thanh		10-02-1990	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
509	509	Đỗ Tuấn Thành	21-03-2000		CV TTGSNH	HVNH			
510	510	Nguyễn Tất Thành	26-01-1991		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
511	511	Phạm Minh Thành	25-10-1988		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN		DT Tây	
512	512	Trần Tiến Thành	10-08-1993		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế & QTKD			
513	513	Đàm Phương Thảo		12-10-2002	CV TTGSNH	HVNH			
514	514	Đặng Thị Thảo		10-09-1987	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân	Cử nhân ngoại ngữ		
515	515	Đỗ Hoàng Thanh Thảo		04-03-1998	CV TTGSNH	ĐH Hàng hải VN			
516	516	Đỗ Thị Thanh Thảo		24-09-1992	CV TTGSNH	ĐH Thăng Long			
517	517	Dương Phương Thảo		20-09-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
518	518	Hoàng Thị Mai Thảo		22-03-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		DT Tây	
519	519	Lê Xuân Thảo	06-01-2000		CV TTGSNH	HVTC			
520	520	Nguyễn Phương Thảo		03-10-1998	CV TTGSNH	HVNH			
521	521	Nguyễn Phương Thảo		21-10-1992	CV TTGSNH	HVTC			
522	522	Nguyễn Thị Thảo		25-03-1992	CV TTGSNH	HVTC			
523	523	Nguyễn Thị Thảo		10-01-1996	CV TTGSNH	HVNH			
524	524	Nguyễn Thị Phương Thảo		18-04-1988	CV TTGSNH	HVTC			
525	525	Nguyễn Thị Phương Thảo		01-09-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
526	526	Nguyễn Việt Thảo		18-03-1999	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
527	527	Phạm Minh Thảo		14-03-1995	CV TTGSNH	HVTC			
528	528	Phạm Phương Thảo		09-06-1998	CV TTGSNH	HVTC			
529	529	Phạm Thị Thảo		04-02-1994	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
530	530	Quách Thu Thảo		30-01-1994	CV TTGSNH	HVNH			
531	531	Trần Hương Thảo		30-07-2000	CV TTGSNH	HVNH			
532	532	Trần Phương Thảo		08-03-1991	CV TTGSNH	HVNH			
533	533	Trịnh Phương Thảo		02-03-1997	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
534	534	Trịnh Thu Thảo		29-05-1996	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
535	535	Vũ Minh Thảo		17-05-2001	CV TTGSNH	HVNH			
536	536	Vương Phương Thảo		05-03-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
537	537	Lê Duy Thi	16-07-1988		CV TTGSNH	HVTC			
538	538	Nguyễn Bá Thi	16-12-1996		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
539	539	Trần Minh Thiên	20-10-1997		CV TTGSNH	HVNH			
540	540	Vũ Tuấn Thiên	07-12-1997		CV TTGSNH	HVTC			
541	541	Nguyễn Đức Thiện	01-11-2000		CV TTGSNH	HVNH			
542	542	Phạm Minh Thiện	19-01-1999		CV TTGSNH	HVTC			
543	543	Đoàn Hưng Thịnh	15-05-1991		CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
544	544	Hoàng Đức Thịnh	09-09-1999		CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương		DT Tây	
545	545	Hoàng Anh Thơ		28-01-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
546	546	Nguyễn Tiến Thọ	06-01-1997		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
547	547	Nguyễn Thị Thơm		13-03-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
548	548	Bùi Thị Minh Thu		01-07-1992	CV TTGSNH	HVNH			

N

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
549	549	Đỗ Thị Thu		04-10-1990	CV TTGSNH	ĐH Thăng Long			
550	550	Đỗ Thị Thu		03-11-1999	CV TTGSNH	ĐH Công nghiệp Việt - Hung			
551	551	Nguyễn Hà Thu		22-08-1995	CV TTGSNH	HVTC			
552	552	Nguyễn Mai Thu		07-02-2001	CV TTGSNH	HVTC		DT Tày	
553	553	Nguyễn Thị Thu		18-04-1990	CV TTGSNH	HVNH			
554	554	Phạm Hoài Thu		28-06-2000	CV TTGSNH	HVNH			
555	555	Lê Hồ Anh Thư		24-03-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
556	556	Nguyễn Anh Thư		03-02-1999	CV TTGSNH	HVNH			
557	557	Nguyễn Thị Thanh Thư		21-01-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
558	558	Tạ Thị Thu Thư		08-04-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
559	559	Vũ Khánh Thư		04-04-1997	CV TTGSNH	HVTC			
560	560	Phạm Ninh Thuận		19-09-1992	CV TTGSNH	HVTC			
561	561	Đinh Thị Hiền Thực		10-08-1997	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
562	562	Đào Thị Thương		08-05-1993	CV TTGSNH	HVTC			
563	563	Lâm Văn Thương	06-12-1991		CV TTGSNH	ĐH Đông Á			
564	564	Nguyễn Huyền Thương		25-10-2000	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
565	565	Nguyễn Thị Phương Thuý		02-11-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
566	566	Tô Phương Thuý		10-03-1994	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
567	567	Cao Thị Thanh Thuý		08-05-1988	CV TTGSNH	HVTC		Con bệnh binh	
568	568	Hà Thu Thuý		29-09-2000	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
569	569	Lê Hồng Thuý		11-01-2001	CV TTGSNH	HVTC			
570	570	Nguyễn Thị Thuý		21-07-1993	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			

H

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
571	571	Vũ Thu Thủy		12-12-1993	CV TTGSNH	ĐH Điện lực			
572	572	Đỗ Minh Thúy		25-09-1995	CV TTGSNH	HVNH			
573	573	Nguyễn Thị Thúy		12-11-1987	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp			
574	574	Nguyễn Thị Thùy		14-06-1990	CV TTGSNH	HVTC	Cử nhân ngoại ngữ	Con bệnh binh	
575	575	Hoàng Thị Thủy		05-09-1989	CV TTGSNH	HVTC		Con bệnh binh	
576	576	Nguyễn Thị Thủy		04-12-1996	CV TTGSNH	HVNH			
577	577	Nguyễn Thị Thanh Thủy		03-09-1994	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
578	578	Tô Thị Thanh Thủy		06-03-2001	CV TTGSNH	HVNH			
579	579	Trần Thị Thu Thủy		16-10-1984	CV TTGSNH	HVNH			
580	580	Lưu Thị Thuý Tiên		29-05-1992	CV TTGSNH	ĐH Công đoàn		Con thương binh	
581	581	Ngô Thuý Tiên		16-12-2000	CV TTGSNH	HV chính sách và phát triển			
582	582	Trần Thị Thuý Tiên		07-03-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
583	583	Lê Thị Kim Tiến		06-05-1997	CV TTGSNH	HVNH			
584	584	Nguyễn Văn Tin	10-12-1998		CV TTGSNH	HVTC			
585	585	Trương Thị Tình		08-11-1998	CV TTGSNH	HVTC		DT Tây	
586	586	Nguyễn Ngọc Trâm		07-09-1987	CV TTGSNH	HVNH			
587	587	Đặng Thu Trang		25-08-1997	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
588	588	Đặng Thùy Trang		19-05-1999	CV TTGSNH	HVNH			
589	589	Đinh Thu Trang		23-10-1991	CV TTGSNH	HVNH			
590	590	Đỗ Huyền Trang		18-12-2001	CV TTGSNH	HVNH			
591	591	Dương Thị Trang		08-03-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
592	592	Dương Thị Thu Trang		10-02-1993	CV TTGSNH	HVNH	Cử nhân ngoại ngữ		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
593	593	Nghiêm Thị Thu Trang		02-12-2000	CV TTGSNH	HVNH			
594	594	Nguyễn Hà Trang		21-11-2000	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
595	595	Nguyễn Hồng Trang		13-11-1998	CV TTGSNH	ĐH Hàng hải VN			
596	596	Nguyễn Huyền Trang		27-11-1999	CV TTGSNH	HVNH			
597	597	Nguyễn Thị Trang		14-05-2000	CV TTGSNH	HVTC			
598	598	Nguyễn Thị Dung Trang		11-08-1994	CV TTGSNH	HVNH			
599	599	Nguyễn Thị Hà Trang		13-08-1994	CV TTGSNH	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
600	600	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		07-01-1998	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
601	601	Nguyễn Thị Thu Trang		24-06-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
602	602	Nguyễn Thị Thu Trang		08-06-1995	CV TTGSNH	ĐH Lao Động Xã Hội			
603	603	Nguyễn Thị Thu Trang		25-07-1989	CV TTGSNH	ĐH Bách khoa HN			
604	604	Nguyễn Thị Thuý Trang		17-01-2001	CV TTGSNH	HVNH			
605	605	Nguyễn Thị Thùy Trang		25-08-1988	CV TTGSNH	HVTC			
606	606	Nguyễn Thu Trang		17-01-1989	CV TTGSNH	HVNH			
607	607	Nguyễn Thuý Trang		31-05-2001	CV TTGSNH	ĐH Thương mại			
608	608	Trần Thị Huyền Trang		17-03-1995	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐH Huế			
609	609	Trần Thị Thu Trang		01-05-1997	CV TTGSNH	HVNH			
610	610	Trần Việt Hà Trang		16-04-2000	CV TTGSNH	ĐH Toulon (LK HVTC)			
611	611	Võ Thuý Trang		05-02-1995	CV TTGSNH	HVNH			
612	612	Khiếu Việt Trinh		16-04-1993	CV TTGSNH	HVNH			
613	613	Nguyễn Thị Kiều Trinh		09-03-1994	CV TTGSNH	HVNH			
614	614	Phùng Việt Trinh		24-03-2001	CV TTGSNH	HVTC		DT Tây	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
615	615	Trần Ngọc Phương Trinh		27-12-1997	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		
616	616	Nguyễn Đức Trọng	02-01-2000		CV TTGSNH	HVNH			
617	617	Nguyễn Hạ Huệ Trúc		28-04-1998	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương		DT Nùng	
618	618	Đàm Quang Trung	14-02-1992		CV TTGSNH	ĐH Điện lực	Cử nhân ngoại ngữ		
619	619	Đặng Quang Trung	14-03-1996		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân		Con bệnh binh	
620	620	Nguyễn Thành Trung	25-06-1996		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế và Luật Osaka	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
621	621	Hà Lê Thanh Trường	04-12-1997		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng			
622	622	Đỗ Thanh Tú	13-11-1990		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
623	623	Hoàng Anh Tú	19-05-1998		CV TTGSNH	HVTC			
624	624	Hoàng Thị Cẩm Tú		13-10-1996	CV TTGSNH	HVTC			
625	625	Lê Tuấn Tú	06-11-1976		CV TTGSNH	ĐH Tài chính QTKD			
626	626	Nguyễn Ngọc Tú		25-07-1996	CV TTGSNH	ĐH Mô - Địa Chất			
627	627	Nguyễn Thanh Tú		10-10-2001	CV TTGSNH	HVNH			
628	628	Nguyễn Thị Cẩm Tú		21-01-2001	CV TTGSNH	HVNH		DT Nùng	
629	629	Phạm Minh Tú	11-07-2001		CV TTGSNH	HVTC			
630	630	Đinh Hữu Tuấn	22-11-2001		CV TTGSNH	HVTC			
631	631	Nguyễn Anh Tuấn	22-12-1991		CV TTGSNH	HVNH			
632	632	Nguyễn Ngọc Tuấn	09-11-1980		CV TTGSNH	HVTC			
633	633	Đào Thanh Tùng	01-04-1994		CV TTGSNH	City London	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
634	634	Đỗ Việt Tùng	17-09-1999		CV TTGSNH	HVNH			
635	635	Hoàng Thanh Tùng	20-08-1995		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
636	636	Hứa Mạnh Tùng	18-07-1991		CV TTGSNH	ĐH Thương mại		DT Nùng	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
637	637	Lê Thanh Tùng	02-09-1998		CV TTGSNH	HVNH			
638	638	Nguyễn Hữu Tùng	08-08-1994		CV TTGSNH	HVNH			
639	639	Trần Duy Tùng	22-03-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế & QTKD Thái Nguyên			
640	640	Võ Hoàng Tùng	09-01-2001		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
641	641	Phạm Thị Tươi		21-12-2000	CV TTGSNH	HVNH			
642	642	Nguyễn Văn Tuyển	10-09-1990		CV TTGSNH	ĐH Trà Vinh			
643	643	Phạm Kim Tuyển		10-11-2000	CV TTGSNH	HVNH			
644	644	Đặng Khánh Uyên		13-01-2001	CV TTGSNH	HVTC			
645	645	Nguyễn Thu Uyên		28-03-2000	CV TTGSNH	HVNH			
646	646	Trần Thị Kim Uyên		01-08-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
647	647	Trần Thị Tố Uyên		08-07-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương		Con bệnh binh	
648	648	Trương Đoàn Thu Uyên		04-01-2001	CV TTGSNH	ĐH Ngoại Thương			
649	649	Đặng Thị Vân		02-03-1992	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
650	650	Nguyễn Thị Vân		02-09-1990	CV TTGSNH	ĐH Kỹ thuật hàng không dân dụng Mátxcova			
651	651	Trần Mai Vân		02-01-2001	CV TTGSNH	HVNH			
652	652	Vũ Thị Hải Vân		25-09-1992	CV TTGSNH	ĐH Điện lực			
653	653	Bùi Đức Việt	17-04-1996		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
654	654	Nguyễn Hoàng Việt	12-09-2000		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế quốc dân			
655	655	Phùng Quốc Việt	22-07-1989		CV TTGSNH	ĐH Phương Đông			
656	656	Đoàn Bá Thành Vinh	17-01-2000		CV TTGSNH	HVTC			
657	657	Trần Đức Vinh	10-10-1993		CV TTGSNH	ĐH Kinh tế Quốc dân			
658	658	Hoàng lê Thảo Vy		15-05-2001	CV TTGSNH	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			

H

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
659	659	Đinh Thị Xuân		13-12-1999	CV TTGSNH	ĐH Ngoại thương			
660	660	Nguyễn Thị Thanh Xuân		01-02-2001	CV TTGSNH	HVNH			
661	661	Đặng Thị Hải Yến		25-12-2000	CV TTGSNH	Trường Quốc tế - ĐHQGHN			
662	662	Hà Hải Yến		20-11-1995	CV TTGSNH	HVTC			
663	663	Nguyễn Thị Yến		13-08-1993	CV TTGSNH	HVTC			
664	664	Phạm Thị Yến		02-10-1997	CV TTGSNH	HVTC			
665	665	Trần Thị Yến		24-08-2000	CV TTGSNH	HVNH			
CV PHÁP CHẾ: 11 CHỈ TIÊU									
666	1	Hoàng Thị An		14-12-1990	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
667	2	Trần Thùy An		23-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
668	3	Trần Trọng An	17-10-2000		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
669	4	Bùi Tú Anh		01-09-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Học Thạc sĩ tại nước ngoài		
670	5	Đinh Thế Anh	17-09-1999		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
671	6	Đỗ Hải Anh		16-03-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
672	7	Hoàng Thị Trâm Anh		02-12-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		
673	8	Lại Minh Anh		02-02-1998	CV Pháp chế	HV An ninh Nhân dân		Con TB	
674	9	Lê Mai Anh		03-06-2001	CV Pháp chế	ĐH Quốc gia HN			
675	10	Nguyễn Ngọc Anh		23-11-1995	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
676	11	Nguyễn Quỳnh Anh		01-11-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
677	12	Nguyễn Thị Anh		24-07-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
678	13	Nguyễn Thị Vân Anh		03-08-1998	CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			
679	14	Nguyễn Văn Anh		06-01-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
680	15	Tô Thị Mai Anh		29-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Văn hóa Hà Nội			
681	16	Trần Đức Anh	12-10-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
682	17	Trịnh Hải Anh		25-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
683	18	Vũ Quỳnh Anh		03-10-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
684	19	Đàm Thị Ngọc Ánh		30-11-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Nùng	
685	20	Lê Thị Ngọc Ánh		09-05-2000	CV Pháp chế	ĐH Công đoàn			
686	21	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		22-07-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
687	22	Phạm Minh Châu		24-03-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
688	23	Trần Hoàng Minh Châu		13-09-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
689	24	Lê Linh Chi		07-05-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
690	25	Nguyễn Hà Chi		17-10-1999	CV Pháp chế	ĐH Mở Hà Nội			
691	26	Nguyễn Phương Chi		20-12-2001	CV Pháp chế	HV Hành chính Quốc gia			
692	27	Nguyễn Thị Thuý Chi		08-09-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
693	28	Nguyễn Trần Khánh Chi		29-09-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐH Huế			
694	29	Trần Phương Chi		26-11-1996	CV Pháp chế	ĐH Kinh tế quốc dân			
695	30	Ngô Thị Hải Chiến		01-11-1990	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		Con người nhiễm CDHH	
696	31	Nguyễn Thị Xuân Cúc		05-10-2001	CV Pháp chế	HV Phụ nữ VN			
697	32	Đỗ Văn Cường	03-10-2000		CV Pháp chế	HV Toà án			
698	33	Hoàng Mạnh Cường	04-10-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
699	34	Phạm Tuấn Cường	13-07-1995		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
700	35	Vũ Mạnh Cường	16-07-1999		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
701	36	Vàng A Dạ Dạ	03-11-2001		CV Pháp chế	ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên		DT Mông	

K

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
702	37	Trần Tiến Đạt	08-07-1999		CV Pháp chế	ĐH Quốc gia HN			
703	38	Đỗ Thị Diễm		29-01-1996	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
704	39	Ngô Thị Diễm		02-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
705	40	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp		29-03-1998	CV Pháp chế	HVNH			
706	41	Ngô Huỳnh Đức	30-11-1996		CV Pháp chế	ĐH Công đoàn			
707	42	Cao Hạnh Dung		27-08-1999	CV Pháp chế	ĐH Nội vụ HN			
708	43	Nguyễn Thị Thuý Dung		11-09-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
709	44	Phạm Thị Thuý Dung		16-10-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
710	45	Trần Thị Thùy Dung		18-12-1994	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Học Thạc sĩ tại Nga	Con TB 4/4	
711	46	Hoàng Dũng	29-05-1999		CV Pháp chế	ĐH Nội vụ HN			
712	47	Lê Hải Dương	23-12-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
713	48	Nguyễn Ngọc Thùy Dương		19-03-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật TP HCM		Con TB	
714	49	Nguyễn Thùy Dương		09-12-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
715	50	Trần Đình Duy	23-11-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
716	51	Cao Lam Giang		30-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
717	52	Lò Thị Hương Giang		01-08-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Thái	
718	53	Nguyễn Thị Giang		16-08-1990	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
719	54	Nguyễn Thị Hương Giang		18-11-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
720	55	Nguyễn Thu Giang		08-12-2000	CV Pháp chế	Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội			
721	56	Phạm Thu Giang		06-12-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
722	57	Trần Hương Giang		09-05-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
723	58	Triệu Quỳnh Giao		24-10-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Tây	

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
724	59	Diệp Thị Mỹ Hà		04-03-1998	CV Pháp chế	HV Toà án		DT Sản Dìu	
725	60	Nguyễn Lê Hà		14-06-2001	CV Pháp chế	ĐH Kinh tế quốc dân			
726	61	Phan Thị Mỹ Hà		11-09-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
727	62	Phan Thị Thu Hà		27-12-1998	CV Pháp chế	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội			
728	63	Trần Thị Thanh Hà		01-04-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
729	64	Võ Thị Việt Hà		13-03-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
730	65	Vũ Thu Hà		26-10-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
731	66	Phạm Thu Hằng		09-11-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
732	67	Ngô Mai Hạnh		10-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
733	68	Nguyễn Hồng Hạnh		26-01-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
734	69	Nguyễn Hồng Hạnh		13-05-2000	CV Pháp chế	HVNH			
735	70	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		11-10-1999	CV Pháp chế	ĐH Vinh			
736	71	Nguyễn Thị Hào		08-01-1986	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Cử nhân ngoại ngữ		
737	72	Lê Thị Hiền		10-04-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
738	73	Nguyễn Thảo Hiền		19-01-2000	CV Pháp chế	HVNH			
739	74	Mai Ngọc Hiếu	16-02-2000		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
740	75	Nguyễn Trung Hiếu	08-06-1996		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
741	76	Phạm Xuân Hoà	20-12-1992		CV Pháp chế	ĐH Luật HN		Con bệnh binh 2/3	
742	77	Phạm Việt Hòa	29-08-1998		CV Pháp chế	ĐH Quốc gia HN			
743	78	Hà Duy Hoan	13-07-1987		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
744	79	Trần Thị Ánh Hồng		17-10-1993	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
745	80	Vũ Thị Hồng		24-04-1999	CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			

K

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
746	81	Đặng Nguyên Hùng	06-10-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
747	82	Phạm Đình Hùng	30-06-1998		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
748	83	Vũ Quang Hưng		28-11-2000	CV Pháp chế	ĐH Nội vụ HN			
749	84	Đỗ Diệu Hương		03-05-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
750	85	Hoàng Thuý Hương		21-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Tây	
751	86	Nguyễn Thu Hương		19-10-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
752	87	Trịnh Lan Hương		29-01-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
753	88	Lê Thanh Hường		16-08-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
754	89	Nguyễn Văn Hường	01-11-1998		CV Pháp chế	HVNH			
755	90	Lê Nguyễn Nhật Huy		03-09-1995	CV Pháp chế	ĐH Kinh tế - Luật - ĐH Quốc gia TP			
756	91	Đoàn Khánh Huyền		24-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
757	92	Đoàn Thị Ngọc Huyền		22-06-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Thạc sĩ tại nước ngoài		
758	93	Dương Ngọc Huyền		08-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Quốc gia HN			
759	94	Lê Thị Ngọc Huyền		05-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
760	95	Nguyễn Thanh Huyền		19/8/2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
761	96	Phạm Thu Huyền		05-12-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
762	97	Vũ Thảo Huyền		22-06-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
763	98	Chu Ngọc Khanh	27-05-2001		CV Pháp chế	HVNH			
764	99	Nguyễn Bảo Khánh		01-04-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
765	100	Nguyễn Lê Ngọc Khánh		22-05-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
766	101	Trần Văn Khương	04-11-2001		CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			
767	102	Hoàng Trung Kiên	04-09-1997		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
768	103	Vũ Nguyễn Trung Kiên	15-12-2000		CV Pháp chế	ĐH Thương mại			
769	104	Trần Thị Thanh Lam		16-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
770	105	Nguyễn Lương Thị Lệ		05-02-2000	CV Pháp chế	HVNH			
771	106	Đậu Phương Linh		29-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
772	107	Đinh Thị Mỹ Linh		17-07-1994	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Học Ths tại nước ngoài		
773	108	Hà Phương Linh		01-11-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
774	109	Hoàng Thùy Linh		23-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			
775	110	Lê Mai Linh		09-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
776	111	Lê Thị Mai Linh		10-10-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
777	112	Nguyễn Khánh Linh		27-11-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
778	113	Nguyễn Phương Linh		28-09-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN		DT Mường	
779	114	Phạm Mỹ Linh		13-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
780	115	Phạm Thị Mỹ Linh		28-09-1994	CV Pháp chế	Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội	Cử nhân ngoại ngữ		
781	116	Phùng Mỹ Linh		29-01-1994	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
782	117	Hoàng Thị Loan		31-03-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
783	118	Lý Thanh Loan		11-09-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Nùng	
784	119	Đỗ Huy Lộc	08-01-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
785	120	Nguyễn Thị Luyện		08-08-1993	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
786	121	Hoàng Thị Quỳnh Ly		24-03-2000	CV Pháp chế	HVNH			
787	122	Phạm Thị Hương Ly		27-04-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
788	123	Trần Thị Ly		01-11-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
789	124	Đặng Ngọc Mai		06-04-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
790	125	Lê Hoàng Phương Mai		09-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
791	126	Nguyễn Thị Tuyết Mai		26-06-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
792	127	Trần Thị Ngọc Mai		10-11-2001	CV Pháp chế	HVNH			
793	128	Lê Đức Mạnh	24-12-1996		CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Tày	
794	129	Lò Văn Mạnh	30-12-2001		CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN		DT Thái	
795	130	Bùi Nhật Minh	04-10-1999		CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			
796	131	Nguyễn Thế Minh	26-05-1999		CV Pháp chế	HV An ninh Nhân dân			
797	132	Phùng Xuân Minh	14-04-1999		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
798	133	Trần Huệ Minh		11-10-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
799	134	Lê Thị Hà My		01-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
800	135	Lê Phương Nga		27-05-1992	CV Pháp chế	ĐH Công đoàn			
801	136	Nguyễn Hằng Nga		06-01-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
802	137	Phạm Thị Quỳnh Nga		30-08-1999	CV Pháp chế	HV An ninh Nhân dân			
803	138	Đỗ Thị Kim Ngân		29-09-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
804	139	Dương Văn Ngân	12-03-1986		CV Pháp chế	HV An ninh Nhân dân			
805	140	Nguyễn Kim Ngân		30-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
806	141	Nguyễn Thị Mai Ngân		03-08-2001	CV Pháp chế	HVNH			
807	142	Hoàng Thị Ngọc		19-10-1997	CV Pháp chế	ĐH Thương mại		DT Tày	
808	143	Nguyễn Thị Ngọc		19-12-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
809	144	Trần Hoài Ngọc		18-03-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
810	145	Trịnh Bích Ngọc		20-12-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
811	146	Trần Khởi Nguyệt		13-07-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			

K

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
812	147	Trần Thị Ánh Nguyệt		05-11-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
813	148	Trần Thanh Nhân		16-09-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
814	149	Hoàng Hà Nhi		19-11-1997	CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			
815	150	Nguyễn Lan Nhi		15-02-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
816	151	Nguyễn Diệu Như		12-04-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
817	152	Nguyễn Hạnh Như		28-06-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
818	153	Nguyễn Thị Hồng Nhung		27-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
819	154	Nguyễn Thị Trang Nhung		17-01-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
820	155	Trần Thị Trang Nhung		25-09-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
821	156	Đinh Thành Phát	13-01-1997		CV Pháp chế	ĐH Luật TP.HCM			
822	157	Đỗ Thu Phương		03-01-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
823	158	Lê Hoài Phương		18-04-1994	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
824	159	Nguyễn Như Phương		31-05-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
825	160	Nguyễn Thị Minh Phương		23-10-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
826	161	Nguyễn Thị Thu Phương		20-03-1984	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
827	162	Nguyễn Thu Phương		26-03-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
828	163	Tạ Hà Minh Phương		04-07-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
829	164	Tạ Thị Lan Phương		10-09-1992	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
830	165	Trần Hà Phương		23-06-2001	CV Pháp chế	HV Ngoại giao			
831	166	Lã Tuấn Anh Quân	25-10-1995		CV Pháp chế	HV Phụ nữ VN		Con liệt sĩ	
832	167	Lê Đình Quang	05-04-2000		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
833	168	Nguyễn Thanh Quý		15-08-1994	CV Pháp chế	ĐH Luật HN	Học Ths tại nước ngoài		

N

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
834	169	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh		15-10-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
835	170	Hoàng Thái Thanh Tâm		14-11-1999	CV Pháp chế	ĐH Kinh tế quốc dân			
836	171	Nguyễn Minh Tâm		05-10-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
837	172	Nguyễn Phương Thanh		07-11-2001	CV Pháp chế	ĐH Mở Hà Nội			
838	173	Phạm Đức Thanh	02-09-1984		CV Pháp chế	ĐH Mở Hà Nội			
839	174	Tổng Thị Diệu Thanh		21-02-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
840	175	Lê Tuấn Thành	17-03-1998		CV Pháp chế	Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội			
841	176	Ngô Thị Phương Thảo		08-05-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
842	177	Nguyễn Phương Thảo		15-10-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
843	178	Nguyễn Thị Phương Thảo		05-07-2000	CV Pháp chế	ĐH Lao Động Xã Hội			
844	179	Trần Bích Thảo		19-11-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
845	180	Trần Huyền Thảo		14-11-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐH Huế			
846	181	Trần Phương Thảo		24-09-1996	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
847	182	Trần Thanh Thảo		07-01-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
848	183	Vũ Thương Thảo		11-03-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
849	184	Nguyễn Ngọc Anh Thi		04-11-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
850	185	Hoàng Thị Hoài Thu		18-12-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
851	186	Hoàng Thị Thuần		09-06-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN		DT Cao Lan	
852	187	Dương Tiến Thuận	12-12-2000		CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
853	188	Nguyễn Song Thương		18-10-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
854	189	Hoàng Thị Thùy		26-03-1995	CV Pháp chế	HV Cảnh sát nhân dân			
855	190	Vũ Thị Thùy		08-12-1996	CV Pháp chế	ĐH Vinh			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
856	191	Dương Thị Thu Thủy		26-07-1996	CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN		DT Tày	
857	192	Ngô Thanh Thủy		03-08-1996	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
858	193	Nguyễn Lệ Thủy		20-08-1991	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
859	194	Nguyễn Thu Thủy		29-10-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
860	195	Phan Thị Thu Thủy		11-02-1995	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
861	196	Vũ Thị Thủy		21-06-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
862	197	Nguyễn Tiến Tiến	07-07-1996		CV Pháp chế	ĐH Kiểm sát HN			
863	198	Trần Việt Tiến	03-09-1995		CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN		Nghĩa vụ Công an	
864	199	Phùng Khánh Toàn	12-11-1999		CV Pháp chế	ĐH Kinh tế và QTKD Thái Nguyên			
865	200	Mai Thị Trà		20-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
866	201	Diệp Ngọc Kiều Trân		08-04-1995	CV Pháp chế	ĐH Luật TP HCM			
867	202	Đỗ Thị Hồng Trang		17-05-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
868	203	Đỗ Thu Trang		17-02-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
869	204	Nguyễn Linh Trang		14-12-2000	CV Pháp chế	ĐH Lao Động XH			
870	205	Nguyễn Thu Trang		18-10-2001	CV Pháp chế	ĐH Kinh tế TP HCM			
871	206	Nguyễn Thu Trang		21-03-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
872	207	Tạ Ngọc Mai Trang		12-03-2000	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
873	208	Trần Thu Trang		24-11-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
874	209	Vũ Thị Thu Trang		05-09-1998	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
875	210	Phạm Việt Trinh		26-11-1993	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐH Huế			
876	211	Phạm Việt Trinh		29-08-1997	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
877	212	Đỗ Gia Trung	07-01-2001		CV Pháp chế	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
878	213	Nguyễn Anh Tú	06-10-1993		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
879	214	Nguyễn Văn Tùng	05-07-1990		CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
880	215	Chu Thảo Vân		21-08-2001	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
881	216	Ngô Thị Thu Vân		08-02-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
882	217	Trần Thanh Vân		07-01-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật - ĐHQGHN			
883	218	Lê Vi		23-06-1999	CV Pháp chế	ĐH Luật HN			
884	219	Lâm Kiều Ý		10-05-1999	CV Pháp chế	HV Cán bộ TP Hồ Chí Minh			
CV TỒ CHỨC CÁN BỘ: 03 CHỈ TIÊU									
885	1	Kiều Tuấn Anh	14-01-2001		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
886	2	Nguyễn Phương Anh		26-08-1998	CV TCCB	ĐH Luật HN			
887	3	Nguyễn Thị Lan Anh		04-12-2000	CV TCCB	ĐH Lao Động Xã Hội			
888	4	Nguyễn Việt Anh	28-09-1999		CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
889	5	Phan Tường Anh		12-10-2001	CV TCCB	HVTC			
890	6	Tạ Duy Anh	12-10-1999		CV TCCB	HVTC	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
891	7	Vũ Mai Anh		28-05-1998	CV TCCB	ĐH Luật HN			
892	8	Dương Thị Châu		10-01-1997	CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
893	9	Nguyễn Minh Châu		22-12-1997	CV TCCB	ĐH Luật HN			
894	10	Lê Linh Chi		03-09-1996	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
895	11	Nguyễn Linh Chi		17-09-2001	CV TCCB	ĐH Luật HN			
896	12	Phạm văn Đồng	11-01-1982		CV TCCB	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
897	13	Lê Văn Đức	19-05-1999		CV TCCB	ĐH Kiểm sát HN			
898	14	Cần Thị Phương Dung		08-09-1996	CV TCCB	ĐH Luật HN		DT Tây	
899	15	Vũ Văn Dũng	03-12-1991		CV TCCB	ĐH Luật HN	Cử nhân ngoại ngữ		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
900	16	Đình Quang Duy	17-12-1998		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
901	17	Thân Hoàng Duy	01-09-2001		CV TCCB	ĐH Luật HN			
902	18	Mai Lê Mỹ Duyên		20-09-1998	CV TCCB	ĐH Luật HN			
903	19	Nguyễn Hồng Giang	15-06-2000		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
904	20	Phạm Hương Giang		02-11-1999	CV TCCB	ĐH Lao Động Xã Hội			
905	21	Trần Thuý Giang		12-06-1999	CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
906	22	Nguyễn Ngọc Hà	20-04-1995		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia	Cử nhân ngoại ngữ		
907	23	Phạm Thu Hà		17-10-1998	CV TCCB	ĐH Luật HN			
908	24	Trần Văn Hải	16-03-1999		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
909	25	Vũ Xuân Hân	11-09-1984		CV TCCB	ĐH Vinh	Cử nhân ngoại ngữ		
910	26	Hà Thị Thanh Hiền		13/3/2000	CV TCCB	ĐH Nội vụ HN			
911	27	Đỗ Tiến Hiệp	18-04-1998		CV TCCB	ĐH Nội vụ HN			
912	28	Nguyễn Văn Huân	20-09-2000		CV TCCB	ĐH Ngoại thương			
913	29	Dương Thị Thanh Hương		30-07-2000	CV TCCB	HV Báo chí và tuyên truyền		DT Sán Diu	
914	30	Nguyễn Thị Hương		15-04-1994	CV TCCB	ĐH Thương mại			
915	31	Vũ Lan Hương		07-03-1996	CV TCCB	HVTC			
916	32	Nguyễn Nhật Huy	08-02-1997		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia		H.thành nghĩa vụ CAND	
917	33	Ngô Khánh Huyền		26-03-1999	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
918	34	Phùng Thị Thanh Huyền		22-04-1997	CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
919	35	Bùi Quốc Khải	17-02-1998		CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
920	36	Phan Khuyên	25-05-1993		CV TCCB	ĐH Cần Thơ	Cử nhân ngoại ngữ		
921	37	Bùi Thị Phương Linh		24-10-2001	CV TCCB	ĐH Thương mại			
922	38	Hoàng Thuý Linh		18-02-1992	CV TCCB	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
923	39	Nguyễn Thị Mỹ Linh		07-3-1994	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
924	40	Nguyễn Thùy Linh		20-03-1992	CV TCCB	ĐH Ngoại Thương			
925	41	Phạm Thị Khánh Linh		12-04-2001	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
926	42	Trần Thị Ngọc Mai		20-10-1995	CV TCCB	ĐH Luật HN			
927	43	Trần Thị Thanh Mai		22-03-2000	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
928	44	Ngô Ngọc Minh	04-02-1998		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia		Con TB 4/4	
929	45	Nguyễn Đức Minh	13-06-1986		CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
930	46	Nguyễn Hải Minh	16-01-1989		CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
931	47	Trần Huệ Minh		11-10-2001	CV TCCB	ĐH Luật HN			
932	48	Bàn Thị Nái		08-08-2000	CV TCCB	ĐH Nội vụ HN		DT Dao	
933	49	Đỗ Thị Nga		01-04-2000	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
934	50	Phạm Thị Hạnh Ngân		28-03-1997	CV TCCB	ĐH Vinh			
935	51	Phạm Mai Nguyệt		23-11-1999	CV TCCB	ĐH Luật HN			
936	52	Nguyễn Thị Yến Nhi		07-12-2000	CV TCCB	ĐH Nội vụ HN			
937	53	Nguyễn Trần Yến Nhi		18-07-2000	CV TCCB	ĐH Luật HN			
938	54	Nguyễn Thị Hồng Nhung		07-09-1991	CV TCCB	ĐH Luật HN			
939	55	Nguyễn Thụy Út Ny		06-08-1993	CV TCCB	ĐH Đông Á			
940	56	Trần Thị Oanh		28-10-1998	CV TCCB	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
941	57	Nguyễn Ngọc Phú	30-04-1996		CV TCCB	ĐH Nội vụ HN			
942	58	Phạm Thị Hoài Phương		28-09-1997	CV TCCB	ĐH Quốc gia HN		Con TB 1/4	
943	59	Vũ Hà Phương		05-04-2001	CV TCCB	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
944	60	Vũ Mai Phương		30-01-1997	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
945	61	Đỗ Thị Phương		11-06-2000	CV TCCB	ĐH Luật HN			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
946	62	Dương Thị Phụng		02-08-1999	CV TCCB	ĐH Quốc gia HN			
947	63	Lê Thị Quyên		30-08-1994	CV TCCB	ĐH Luật HN			
948	64	Nguyễn Văn Quyết	21-01-1989		CV TCCB	ĐH Luật HN			
949	65	Phùng Thị Tâm		03-03-1996	CV TCCB	ĐH Công đoàn		Con bệnh binh	
950	66	Trần Thị Tâm		10-03-1993	CV TCCB	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
951	67	Nguyễn Quang Thắng	30-09-2001		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
952	68	Nguyễn Hoài Thanh		11/3/1995	CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
953	69	Nguyễn Thị Hồng Thu		02-01-1997	CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
954	70	Nguyễn Ngọc Trâm		13-06-1994	CV TCCB	ĐH Kinh tế quốc dân			
955	71	Lê Hiền Trang		26-08-2001	CV TCCB	ĐH Luật - ĐHQGHN			
956	72	Phùng Ngọc Trang		16-09-1998	CV TCCB	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
957	73	Phùng Đức Trung	12-04-1999		CV TCCB	ĐH Nội vụ HN			
958	74	Nguyễn Tuấn Tú	20-07-1998		CV TCCB	HV chính sách và phát triển			
959	75	Tạ Hữu Tuấn	19-09-1998		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
960	76	Trần Minh Tuấn	06-09-2001		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
961	77	Lê Thanh Tùng	20-07-2001		CV TCCB	ĐH Lao Động XH			
962	78	Đỗ Văn Tuyền	08-04-1998		CV TCCB	HV An ninh Nhân dân			
963	79	Trần Thị Tuyết		18-02-1999	CV TCCB	ĐH Luật HN			
964	80	Vũ Thị Hồng Vi		19-07-2001	CV TCCB	ĐH Luật HN			
965	81	Tạ Văn Vĩnh	18-09-1986		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
966	82	Tạ Minh Vũ	14-12-1994		CV TCCB	ĐH Lao Động - Xã Hội			
967	83	Phạm Đình Vương	08-06-1995		CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			
968	84	Đinh Hải Yến		24-10-1997	CV TCCB	HV Hành chính Quốc gia			

H

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
CV NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG: 04 CHỈ TIÊU									
969	1	Đinh Thị Quỳnh Anh		12-11-1985	CVNV NHTW	HVTC			
970	2	Nguyễn Thị Kim Anh		30-05-1988	CVNV NHTW	HVTC			
971	3	Nguyễn Thị Minh Anh		06-12-2000	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
972	4	Vũ Thị Ngọc Ánh		29-06-1994	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
973	5	Nguyễn Thị Mai Chi		16-01-2001	CVNV NHTW	HVNH			
974	6	Chu Kiều Chinh		24-01-1995	CVNV NHTW	HVNH			
975	7	Ngô Ngọc Đức	06-07-2000		CVNV NHTW	ĐH Ngoại thương			
976	8	Đoàn Thanh Dung		21-02-2001	CVNV NHTW	HV Ngoại giao			
977	9	Nguyễn Thị Thùy Dung		18-12-1987	CVNV NHTW	HVNH			
978	10	Trần Thùy Dương		20-07-1998	CVNV NHTW	ĐH Ngoại thương			
979	11	Nguyễn Thanh Hải	07-10-1997		CVNV NHTW	ĐH Tây Anh Quốc Bristol			
980	12	Nguyễn Thị Thu Hằng		05-04-1995	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
981	13	Nguyễn Thu Hằng		31-01-1989	CVNV NHTW	ĐH Thương mại			
982	14	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CVNV NHTW	HVNH			
983	15	Lê Thị Phương Hiền		28-06-2000	CVNV NHTW	ĐH Công nghiệp HN			
984	16	Nguyễn Thu Hoài		02-11-1999	CVNV NHTW	ĐH Tài chính ngân hàng HN			
985	17	Nguyễn Thuý Hồng		07-04-1993	CVNV NHTW	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
986	18	Nguyễn Văn Huấn	20-09-2000		CVNV NHTW	ĐH Ngoại thương			
987	19	Lê Nguyễn Phi Hùng	14-10-2001		CVNV NHTW	ĐH Tài chính QTKD			
988	20	Nguyễn Thị Hương		03-02-1986	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
989	21	Nguyễn Thu Hương		30-10-1988	CVNV NHTW	ĐH Ngoại Thương			

H

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
990	22	Vũ Thu Huyền		26-06-1987	CVNV NHTW	HVNH			
991	23	Nguyễn Văn Khải		30-07-1991	CVNV NHTW	ĐH Hải Dương			
992	24	Nguyễn Văn Lâm	23-02-1991		CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
993	25	Đặng Thùy Linh		15-08-1997	CVNV NHTW	ĐH Ngoại Thương			
994	26	Trần Thị Linh		13-12-1995	CVNV NHTW	HVTC			
995	27	Lê Thị Loan		24-12-1991	CVNV NHTW	ĐH Ngoại Thương			
996	28	Nguyễn Thanh Loan		26-01-2000	CVNV NHTW	ĐH Ngoại thương			
997	29	Đoàn Thị Trúc Mai		15-07-1995	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
998	30	Ngô Thị Hồng Minh		14-12-1990	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
999	31	Lê Khánh Nghĩa	06-05-2001		CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1000	32	Hoàng Minh Ngọc		07-01-1997	CVNV NHTW	HVNH			
1001	33	Vũ Thị Khánh Ngọc		29-05-2001	CVNV NHTW	HVNH			
1002	34	Nguyễn Cẩm Nhung		27-07-1997	CVNV NHTW	ĐH Tài chính QTKD			
1003	35	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CVNV NHTW	ĐH Ngoại thương			
1004	36	Ngô Lan Phương		19-12-2001	CVNV NHTW	ĐH Ngoại thương			
1005	37	Nguyễn Hà Phương		03-12-2001	CVNV NHTW	ĐH West of England - ĐH KTQD			
1006	38	Nguyễn Mai Phương		12-10-1998	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1007	39	Trần Lâm Phương		28-04-1998	CVNV NHTW	HVTC			
1008	40	Vũ Lan Phương		18-10-1998	CVNV NHTW	HVTC			
1009	41	Nguyễn Thị Minh Phương		25-05-1992	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1010	42	Phạm Tiến Quân	15-06-1988		CVNV NHTW	HVTC			
1011	43	Nguyễn Thị Sen		13-09-1994	CVNV NHTW	HVNH			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1012	44	Nguyễn Thị Minh Tâm		23-02-1994	CVNV NHTW	ĐH Tây Nguyên			
1013	45	Phan Đức Thắng	04-02-2000		CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1014	46	Đặng Thị Nhật Thanh		21-04-1996	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1015	47	Ngô Chí Thành	16-03-1996		CVNV NHTW	HV Hậu Cần			
1016	48	Bùi Thị Bảo Thoa		19-02-2001	CVNV NHTW	ĐH Toulon			
1017	49	Lê Hồng Thuý		11-01-2001	CVNV NHTW	HVTC			
1018	50	Nguyễn Phương Thúy		05-03-1992	CVNV NHTW	HVTC			
1019	51	Đặng Thùy Trang		19-05-1999	CVNV NHTW	HVNH			
1020	52	Nguyễn Thu Trang		17-09-1983	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1021	53	Tăng Thị Quỳnh Trang		26-01-1989	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1022	54	Nguyễn Thị Tuyền		14-09-1999	CVNV NHTW	ĐH Kinh tế quốc dân			
1023	55	Đào Thị Ngọc Xuân		25-04-1987	CVNV NHTW	ĐH Bách khoa HN			
CV NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG - MẢNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN: 09 CHỈ TIÊU									
1024	1	Đỗ Phương Anh		12-09-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1025	2	Dương Quỳnh Anh		26-10-1997	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1026	3	Hoàng Phương Anh		15-10-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1027	4	Lê Hải Anh		23-07-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1028	5	Lê Khả Quỳnh Anh		16-11-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1029	6	Lê Thị Vân Anh		11-12-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1030	7	Nguyễn Thị Anh		12-11-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Ngoại Thương			
1031	8	Nguyễn Thị Mai Anh		12-02-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	HV chính sách và phát triển			
1032	9	Nguyễn Thị Minh Anh		18-08-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1033	10	Tạ Duy Anh	12-10-1999		CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1034	11	Chu Thị Quỳnh Ánh		12-07-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Quốc gia HN			
1035	12	Nguyễn Thị Bích		30-03-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công nghiệp HN			
1036	13	Phạm Hoà Bình		14-10-1997	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Ngoại thương		Con TB 4/4	
1037	14	Phạm Thị Kim Chi		15-01-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1038	15	Trần Quốc Cường	08-10-1996		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Nha Trang			
1039	16	Lê Huy Đức	18-05-2001		CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1040	17	Đỗ Thị Dung		06-08-1991	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1041	18	Kiều Xuân An Dũng	19-09-2000		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1042	19	Cao Hoàng Hà		22-10-1996	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Thăng Long			
1043	20	Bùi Thị Thu Hằng		17-10-1996	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công nghiệp HN			
1044	21	Lê Thị Thu Hằng		17-02-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1045	22	Lữ Thu Hằng		18-02-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1046	23	Trịnh Minh Hằng		08-03-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Macquarie	Học đại học tại nước ngoài		
1047	24	Đỗ Thị Hồng Hạnh		01-05-1994	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Sư phạm kỹ thuật Nam Định			
1048	25	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1049	26	Đỗ Thị Hiền		19-04-1995	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1050	27	Trần Thị Hoài		10-09-1992	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên			
1051	28	Bùi Thị Huế		01-11-1989	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1052	29	Lê Việt Hùng	17-07-1994		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1053	30	Phạm Ngọc Lan Hương		18-04-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH - Sunderland	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1054	31	Vương Thu Hương		25-01-1989	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Toulon	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1055	32	Bùi Thị Thu	Huyền		21-06-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Mỏ - Địa Chất		
1056	33	Lê Thị Khánh	Huyền		07-09-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		
1057	34	Phạm Thị	Huyền		08-01-1996	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp		
1058	35	Đào Khánh	Linh		15-09-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	Niels Brock Copenhagen Business College	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp	
1059	36	Lê Bá Đức	Linh	13-05-1996		CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		
1060	37	Nguyễn Thị Diệu	Linh		26-06-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân		
1061	38	Trần Phương	Linh		02-11-1995	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH		
1062	39	Lê Thị	Mai		10-04-1993	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công đoàn		
1063	40	Trần Thanh	Mai		04-08-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân		
1064	41	Chu Nguyệt	Minh		05-12-1994	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH		
1065	42	Nguyễn Đình	Nam	28-11-1993		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân		
1066	43	Hoàng Thị Hằng	Nga		28-04-1993	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		
1067	44	Nguyễn Thanh	Ngân		26-12-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH		
1068	45	Phạm Thị	Ngân		30-05-1996	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế TP HCM		
1069	46	Bùi Thị Hồng	Ngọc		26-08-1996	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH		
1070	47	Nguyễn Yến	Nhi		25-01-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		
1071	48	Nông Nguyễn Thảo	Nhi		23-12-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Ngoại Thương	DT Tày	
1072	49	Ngô Trang	Nhung		29-10-1989	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân		
1073	50	Trần Phương	Nhung		07-01-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Ngoại thương		
1074	51	Đào Thu	Phương		14-11-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân		
1075	52	Đỗ Thanh	Phương		13-09-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		
1076	53	Trần Minh	Phương		24-07-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1077	54	Vũ Lan Phương		18-10-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1078	55	Vũ Xuân Phương	20-06-1991		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công Đoàn	Cử nhân ngoại ngữ		
1079	56	Lê Thị Như Quỳnh		26-11-1987	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Thăng Long			
1080	57	Mông Thị Cúc Quỳnh		23-02-1995	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC		Dân tộc Tày	
1081	58	Nguyễn Hồng Sơn	03-08-2000		CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1082	59	Hà Thái Thanh		14-05-1987	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1083	60	Trần Thị Thành		19-05-1992	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1084	61	Trần Hương Thảo		30-07-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1085	62	Trần Thị Phương Thảo		07-10-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1086	63	Bùi Thị Bảo Thoa		19-02-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Toulon			
1087	64	Nguyễn Lệ Thu		26-10-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công nghiệp HN			
1088	65	Nguyễn Thị Thu		09-01-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Thủy Lợi			
1089	66	Phạm Thị Minh Thu		27-10-1998	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1090	67	Nguyễn Hoài Thương		02-12-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1091	68	Đào Thị Thủy		25-01-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH		DT Hán	
1092	69	Lê Hồng Thủy		11-01-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1093	70	Nguyễn Phương Thúy		05-03-1992	CVNV NHTW - mảng TCKT	HV Tài chính			
1094	71	Nguyễn Thu Thủy		05-01-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1095	72	Kiều Quang Tôn	04-08-1990		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Mở TP HCM	Cử nhân sư phạm tiếng Anh		
1096	73	Đặng Thùy Trang		19-05-1999	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1097	74	Lê Đào Thiên Trang		14-08-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công đoàn			
1098	75	Vũ Cẩm Tú		05-09-2001	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1099	76	Nguyễn Huy Tùng	14-08-1989		CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1100	77	Vũ Thị Tuyền		24-05-1992	CVNV NHTW - mảng TCKT	HV Công nghệ Bưu Chính Viễn thông			
1101	78	Đỗ Thị Tú Uyên		17-02-1992	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Lao Động Xã Hội			
1102	79	Tạ Tú Uyên		09-12-2000	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVTC			
1103	80	Nguyễn Thị Thúy Vân		24-02-1993	CVNV NHTW - mảng TCKT	HVNH			
1104	81	Nguyễn Thị Hải Yến		13-03-1992	CVNV NHTW - mảng TCKT	ĐH Công nghiệp HN			
CV TỔNG HỢP: 03 CHỈ TIÊU									
1105	1	Đỗ Lê Thu An		21-09-2001	CV Tổng hợp	ĐH Kinh tế quốc dân			
1106	2	Mai Đỗ Việt Anh	28-12-2001		CV Tổng hợp	HVNH			
1107	3	Tạ Duy Anh	12-10-1999		CV Tổng hợp	HVTC	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1108	4	Kiều Xuân An Dũng	19-09-2000		CV Tổng hợp	ĐH Kinh tế quốc dân - ĐH Cardiff	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1109	5	Phạm Hương Giang		11-10-2000	CV Tổng hợp	ĐH KTQD - ĐH Tây Anh quốc Bristal	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1110	6	Nguyễn Thanh Hải	07-10-1997		CV Tổng hợp	Tây Anh Quốc Bristol			
1111	7	Lê Thu Hương		07-05-1983	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại thương			
1112	8	Lê Thanh Huyền		22-05-2001	CV Tổng hợp	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1113	9	Ong Thị Khánh Huyền		19-11-1998	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại thương			
1114	10	Phạm Thị Huyền		08-01-1996	CV Tổng hợp	ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp			
1115	11	Phạm Thị Khánh Huyền		12-09-2000	CV Tổng hợp	HVTC			
1116	12	Trịnh Ngọc Huyền		10-12-1992	CV Tổng hợp	ĐH Thương mại			
1117	13	Đặng Thùy Linh		15-08-1997	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại Thương			
1118	14	Nguyễn Khắc Thuý Linh		26-07-2001	CV Tổng hợp	HVNH			
1119	15	Lê Thị Loan		24-12-1991	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại Thương			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1120	16	Nguyễn Thị Ngọc Mai		03-11-1992	CV Tổng hợp	HVNH			
1121	17	Trần Thị Thanh Mai		22-03-2000	CV Tổng hợp	ĐH Kinh tế quốc dân			
1122	18	Đỗ Thị Nguyệt Minh		16-12-2001	CV Tổng hợp	HVTC		DT Tày	
1123	19	Lê Khánh Nghĩa	06-05-2001		CV Tổng hợp	ĐH Kinh tế quốc dân			
1124	20	Ngô Lan Phương		19-12-2001	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại thương			
1125	21	Nguyễn Thị Quỳnh Phương		13-04-1997	CV Tổng hợp	HV Chính sách và phát triển			
1126	22	Phạm Thị Diễm Phương		30-10-1994	CV Tổng hợp	HVTC			
1127	23	Lê Minh Tâm	28-10-2001		CV Tổng hợp	HVTC			
1128	24	Nguyễn Thị Thanh		11-03-2001	CV Tổng hợp	HVTC			
1129	25	Nhâm Hoàng Thảo		09-09-1986	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại Thương			
1130	26	Trần Nguyệt Thư		19-11-1989	CV Tổng hợp	ĐH Kinh doanh & Công nghệ HN			
1131	27	Nguyễn Thị Huyền Trang		12-07-1991	CV Tổng hợp	ĐH Ngoại thương			
1132	28	Võ Thuý Trang		05-02-1995	CV Tổng hợp	HVNH			
CV HOẠCH ĐỊNH VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG: 28 CHỈ TIÊU									
1133	1	Đinh Thị An		08-12-2000	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1134	2	Đỗ Lê Thu An		21-09-2001	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1135	3	Bùi Phương Anh		01-03-1996	CVHD và thực thi CSTT	HVNH			
1136	4	Đỗ Thị Minh Anh		05-09-2001	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1137	5	Dương Quỳnh Anh		23-09-2000	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Ngoại thương			
1138	6	Dương Thái Anh	17-11-1998		CVHD và thực thi CSTT	ĐH Connecticut			
1139	7	Dương Vân Lan Anh		03-10-1991	CVHD và thực thi CSTT	HVNH			
1140	8	Lưu Thị Kim Anh		23-03-2000	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1141	9	Nguyễn Lan Anh		29-07-2000	CVHD và thực thi CSTT	HVTC			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1142	10	Nguyễn Thị Minh Anh		12-12-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1143	11	Ninh Phan Anh	29-06-2000		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Ngoại Thương			
1144	12	Phạm Mai Anh		12-05-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1145	13	Phạm Thị Phương Anh		27-05-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1146	14	Phan Tường Anh		12-10-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1147	15	Trần Thị Mai Anh		02-02-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Ngoại thương			
1148	16	Trịnh Khắc Anh	07-01-1997		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế Nga mang tên G.V.Plekhanov	Bằng Chuyên gia do CSĐT nước ngoài cấp		Không cấp bằng ĐH, Học thẳng
1149	17	Võ Việt Anh	03-08-1997		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH RMIT Việt Nam	Học Ths tại nước ngoài		
1150	18	Vũ Thị Ngọc Ánh		29-06-1994	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1151	19	Trần Ngọc Bình	01-01-2000		CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1152	20	Nguyễn Minh Châu		06-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1153	21	Đinh Thị Hải Chi		28-07-1994	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1154	22	Lương Khánh Chi		14-02-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1155	23	Nguyễn Quỳnh Chi		08-04-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Miami	Học ĐH tại nước ngoài		
1156	24	Phan Thị Lan Chi		27-05-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1157	25	Nguyễn Thị Chung		19-07-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1158	26	La Văn Công	25-06-1994		CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1159	27	Nguyễn Hồng Diễm		03-12-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1160	28	Mai Ngọc Diệp		17-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1161	29	Nguyễn Ngọc Diệp		07-10-1992	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Sunderland	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1162	30	Phí Ngọc Diệp	04-12-1994		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1163	31	Nguyễn Văn Đồng	23-01-2000		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			

H

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1164	32	Trịnh Thị Kim Dung		23-09-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1165	33	Vũ Mỹ Dung		06-03-1994	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1166	34	Lê Thuỳ Dương		12-10-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1167	35	Nguyễn Tiến Dương	09-08-1998		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Tây Anh Quốc			
1168	36	Vũ Hoàng Duy	17-10-1999		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Thương mại			
1169	37	Bá Thị Khánh Duyên		26-09-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Thương mại			
1170	38	Nguyễn Hương Giang		27-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1171	39	Cao Hoàng Ngọc Hà		13-02-1994	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1172	40	Đỗ Thanh Hà		11-12-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1173	41	Hoàng Thị Thu Hà		29-03-1993	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC		Dân tộc Tây	
1174	42	Lê Ngân Hà		11-11-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1175	43	Lê Thu Hà		13-03-1997	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1176	44	Nguyễn Thu Hà		01-12-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1177	45	Vũ Việt Hà		06-10-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	University of the West of England			
1178	46	Lê Thị Hải		25-11-1994	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1179	47	Chữ Thu Hằng		08-03-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Bedfordshire - Anh Quốc liên kết ĐH NT	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1180	48	Mai Vi Hào		23-02-1992	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1181	49	Nguyễn Thị Hậu		20-08-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1182	50	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1183	51	Nguyễn Thị Thu Hiền		12-06-1995	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC		Con bệnh binh	
1184	52	Lâm Thị Mỹ Hoa		17-07-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1185	53	Nguyễn Thị Hoa		28-12-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1186	54	Trịnh Hiền Hoà		29-10-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1187	55	Đoàn Thị Nhật Hoàn		27-05-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1188	56	Nguyễn Minh Hoàng	05-07-2000		CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1189	57	Trương Việt Hoàng	19-12-2001		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1190	58	Nguyễn Duy Hùng	10-06-2000		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1191	59	Nguyễn Khoa Hưng	23-07-2000		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1192	60	Nguyễn Quốc Hưng	15-09-1995		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		
1193	61	Dương Thị Thu Hương		21-02-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1194	62	Phạm Ngọc Lan Hương		18-04-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH-Sunderland	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1195	63	Vũ Quang Huy	23-07-1995		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1196	64	Hoàng Thanh Huyền		26-10-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1197	65	Nguyễn Khánh Huyền		36737	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1198	66	Trần Hồng Khánh		12-04-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1199	67	Bùi Duy Khoa	04-09-1996		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế TP HCM			
1200	68	Nguyễn Văn Lâm	23-02-1991		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1201	69	Vũ Thị Phương Lan		24-01-1994	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1202	70	Đậu Hoàng Linh		30-08-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1203	71	Dương Thùy Linh		08-11-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1204	72	Lưu Ngọc Linh		25-09-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1205	73	Nguyễn Đặng Thuỳ Linh		31-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	University of the West of England, Bristol (LK ĐH)	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1206	74	Nguyễn Khánh Linh		21-08-1997	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1207	75	Nguyễn Ngọc Thảo Linh		22-09-1995	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			

M

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1208	76	Nguyễn Phan Khánh Linh		17-09-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1209	77	Nguyễn Tùng Linh		29-07-1989	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Warwick			
1210	78	Phạm Khánh Linh		08-02-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Thương Mại			
1211	79	Phan Thị Kim Linh		27-02-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1212	80	Trần Phan Thùy Linh		19-10-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Ngoại Thương			
1213	81	Trần Phương Linh		14-03-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1214	82	Trương Ngọc Huyền Linh		16-08-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1215	83	Vũ Hoàng Diệp Linh		26-01-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1216	84	Chu Thị Ngọc Mai		11-05-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1217	85	Đặng Thị Mai		17-07-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1218	86	Phạm Thị Ngọc Mai		01-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Thương Mại			
1219	87	Nguyễn Thị Trà Mi		10-03-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HV chính sách và phát triển			
1220	88	Đinh Thị Minh		24-04-1993	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1221	89	Nguyễn Thị Hồng Minh		27-03-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH West Anh, Bristol			
1222	90	Nguyễn Tuấn Minh	29-08-1999		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Thương Mại			
1223	91	Trần Hồng Minh		10-07-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1224	92	Đỗ Trần Bảo Ngân		04-11-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1225	93	Nguyễn Hoàng Ngân		06-09-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1226	94	Nguyễn Thị Thuý Ngân		11-09-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1227	95	Lê Minh Ngọc		26-10-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	University of the West of England (LK ĐH KTQD)	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1228	96	Nguyễn Thị Bích Ngọc		02-08-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1229	97	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc		10-12-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1230	98	Trần Nguyễn Hồng Ngọc		16-08-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1231	99	Nguyễn Phạm Tây Nguyên	26-12-1997		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Ngoại thương	Học Ths nước ngoài		
1232	100	Đỗ Thị Hồng Nhật		20-06-1997	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1233	101	Lê Thị Hồng Nhung		19-12-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1234	102	Nguyễn Hồng Nhung		02-08-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1235	103	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Ngoại thương			
1236	104	Bùi Thị Bích Phương		04-02-1993	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1237	105	Nguyễn Hà Phương		12-03-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH West of England - ĐH KTQD			
1238	106	Trần Minh Phương		24-07-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1239	107	Trần Hoàng Quân	19-11-1999		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1240	108	Lê Thị Quý		27-09-1995	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1241	109	Bùi Thị Hương Quỳnh		04-05-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1242	110	Lê Thuý Quỳnh		26-07-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1243	111	Nguyễn Thị Như Quỳnh		19-11-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1244	112	Lê Minh Tâm	28-10-2001		CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1245	113	Nguyễn Thị Thu Thanh		14-09-1997	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1246	114	Nguyễn Phương Thảo		01-09-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1247	115	Phan Phương Thảo		26-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1248	116	Khuất Minh Thu		29-08-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Bedfordshire	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1249	117	Đặng Anh Thư		07-02-1998	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1250	118	Lê Hồng Thuý		11-01-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			



Handwritten signature or mark.

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1251	119	Đặng Thị Thu Thủy		20-07-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1252	120	Vũ Thị Thanh Thủy		29-12-1997	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1253	121	Trần Thủy Tiên		16-04-1995	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1254	122	Nguyễn Thị Thùy Trâm		09-11-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1255	123	Bùi Thu Trang		12-02-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1256	124	Chu Phương Trang		29-11-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1257	125	Hoàng Thị Trang		19-05-1997	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1258	126	Lê Huyền Trang		09-07-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1259	127	Ngô Thu Trang		07-09-1993	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1260	128	Nguyễn Minh Hạnh Trang		15-06-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1261	129	Trần Phương Trang		30-09-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1262	130	Võ Thuý Trang		05-02-1995	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1263	131	Vũ Huyền Trang		15-10-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			
1264	132	Vương Thị Quỳnh Trang		12-11-2000	CVHĐ và thực thi CSTT	HVNH			
1265	133	Đào Thị Kiều Trinh		22-02-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Ngoại thương			
1266	134	Lê Hồ Kiều Trinh		21-11-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1267	135	Lê Ngọc Tuấn	18-10-1999		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1268	136	Nguyễn Thành Tuấn	13-01-2001		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1269	137	Đỗ Mạnh Tùng	04-01-1995		CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Houston Hoa Kỳ			
1270	138	Đoàn Thị Thu Uyên		06-01-1999	CVHĐ và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
1271	139	Phạm Thị Thanh Vân		27-04-1996	CVHĐ và thực thi CSTT	HV chính sách và phát triển			
1272	140	Trương Thị Hải Vân		21-12-2001	CVHĐ và thực thi CSTT	HVTC			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1273	141	Vũ Thị Thanh Vân		09-02-2001	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Ngoại Thương			
1274	142	Hà Nguyên Vũ	21-10-1996		CVHD và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân	Bằng Ths do CĐT nước ngoài cấp		
1275	143	Nguyễn Hà Vy		30-10-2001	CVHD và thực thi CSTT	HVNH			
1276	144	Nguyễn Thị Hồng Xoan		11-01-1995	CVHD và thực thi CSTT	ĐH Kinh tế quốc dân			
CV TRUYỀN THÔNG: 04 CHỈ TIÊU									
1277	1	Lê Quỳnh Anh		06-02-1997	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1278	2	Nguyễn Thị Minh Anh		06-12-2000	CV Truyền thông	ĐH Kinh tế quốc dân			
1279	3	Tạ Nguyễn Vân Anh		17-06-2001	CV Truyền thông	ĐH Ngoại thương			
1280	4	Trương Quỳnh Anh		03-10-1984	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền	Cử nhân ngoại ngữ		
1281	5	Nguyễn Thị Bình		18-07-1988	CV Truyền thông	ĐH KHXH & nhân văn - ĐHQGHN			
1282	6	Đặng Thị Ngọc Châu		12-06-1997	CV Truyền thông	HV Công nghệ Bưu Chính Viễn thông			
1283	7	Nguyễn Thị Chuyên		20-10-1994	CV Truyền thông	ĐH Thương Mại	Cử nhân ngoại ngữ		
1284	8	Đỗ Thị Dung		23-10-1997	CV Truyền thông	ĐH Thái Nguyên	Cử nhân ngoại ngữ		
1285	9	Ngô Hùng Dũng	19-05-2000		CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1286	10	Phạm Chí Dũng	29-01-2001		CV Truyền thông	Trường Đại học Hà Nội			
1287	11	Vũ Thị Thùy Dương		01-06-1999	CV Truyền thông	HVTC	Cử nhân ngoại ngữ	Con TB 3/4	
1288	12	Nguyễn Trọng Duy	01-12-2000		CV Truyền thông	ĐH FPT			
1289	13	Vô Tạ Hương Giang		25-09-1996	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1290	14	Đới Thị Khánh Hà		11-03-1983	CV Truyền thông	ĐH Hà Nội	Cử nhân ngoại ngữ		
1291	15	Lữ Thu Hằng		18-02-1998	CV Truyền thông	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1292	16	Hoàng Bá Hiệp	11-03-1998		CV Truyền thông	ĐH Luật HN	Học Ths tại nước ngoài		
1293	17	Nguyễn Trọng Hiếu	18-01-2001		CV Truyền thông	Trường Đại học Hà Nội	Cử nhân ngoại ngữ		
1294	18	Trịnh Thu Hoài		21-09-2001	CV Truyền thông	HV Ngoại giao			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1295	19	Đinh Ngọc Huyền		25-11-1998	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1296	20	Trương Tuấn Khoa	09-10-2000		CV Truyền thông	HV Ngoại giao			
1297	21	Nguyễn Trung Kiên	21-04-1998		CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1298	22	Lê Khánh Linh		22-04-1998	CV Truyền thông	ĐH Mỏ Hà Nội	Cử nhân ngoại ngữ	DT Mường	
1299	23	Nguyễn Thuỳ Linh		11-10-2001	CV Truyền thông	ĐH Luật HN	Cử nhân ngoại ngữ		
1300	24	Phạm Phương Linh		27-12-2001	CV Truyền thông	HVNH			
1301	25	Nguyễn Hải Long	19-08-1993		CV Truyền thông	ĐH Ngoại thương	Cử nhân ngoại ngữ		
1302	26	Lê Nguyễn Khánh Ly		22-07-2001	CV Truyền thông	ĐH Luật HN	Cử nhân ngoại ngữ		
1303	27	Vũ Ngọc Ly		09-03-1997	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1304	28	Lê Quang Minh	11-10-1996		CV Truyền thông	ĐH KHXH& Nhân văn			
1305	29	Đặng Thị Ngọc Mỹ		26-08-2001	CV Truyền thông	ĐH Luật HN			
1306	30	Đinh Quang Nam	10-02-2001		CV Truyền thông	HVNH			
1307	31	Nguyễn Phương Nga		25-09-1998	CV Truyền thông	ĐH Kinh tế quốc dân			
1308	32	Trần Thị Bảo Ngọc		18-08-1990	CV Truyền thông	ĐH Hải Phòng	Cử nhân ngoại ngữ		
1309	33	Đào Hương Nguyên		09-02-1999	CV Truyền thông	ĐH Kinh tế quốc dân			
1310	34	Lưu Trần Minh Nhật	09-10-2001		CV Truyền thông	ĐH Suffolk			
1311	35	Nguyễn Phương Xuân Nhi		09-02-2001	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1312	36	Phạm Thị Hồng Nhung		16-02-2000	CV Truyền thông	HVNH			
1313	37	Doãn Hồng Phương		04-04-1997	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1314	38	Lê Anh Phương		17-02-2001	CV Truyền thông	HV Báo chí và Tuyên truyền			
1315	39	Nguyễn Hà Phương		19-4-1999	CV Truyền thông	ĐH Greenwich Việt nam	Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp		
1316	40	Nguyễn Mai Phương		12-10-1998	CV Truyền thông	ĐH Kinh tế quốc dân			

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1317	41	Nguyễn Thị Hoài Phương		02-08-2000	CV Truyền thông	ĐH Khoa học - ĐH Huế			
1318	42	Trần Thanh Phương		03-09-2021	CV Truyền thông	ĐH Ngoại thương	Cử nhân ngoại ngữ		
1319	43	Nguyễn Thị Thu Thảo		04-09-1992	CV Truyền thông	ĐH KHXH & nhân văn - ĐHQGHN			
1320	44	Nguyễn Thu Thủy		14-10-2001	CV Truyền thông	ĐH Lao Động XH			
1321	45	Phan Thị Thúy		19-09-1989	CV Truyền thông	ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu nghị	Cử nhân ngoại ngữ		
1322	46	Nguyễn Ngọc Huyền Trâm		01-12-2000	CV Truyền thông	ĐH Thương mại			
1323	47	Đỗ Quỳnh Trang		28-07-1998	CV Truyền thông	ĐH KHXH & nhân văn - ĐHQGHN	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		
1324	48	Hà Thị Thu Trang		03-05-1995	CV Truyền thông	HV Ngoại giao			
1325	49	Nguyễn Thị Huyền Trang		31-07-2000	CV Truyền thông	ĐH KHXH & nhân văn - ĐHQGHN			
1326	50	Trần Quốc Tú	20-12-1992		CV Truyền thông	ĐH Mở Hà Nội	Cử nhân ngoại ngữ		
1327	51	Thiều Thanh Tùng	02-04-2000		CV Truyền thông	ĐH Rhodes			
1328	52	Trần Quang Tùng	02-01-1994		CV Truyền thông	ĐH Hoà Bình	Cử nhân ngoại ngữ		
1329	53	Kiều Phương Uyên		30-11-2001	CV Truyền thông	HVTC			
1330	54	Nguyễn Thị Hải Yến		27-05-1999	CV Truyền thông	ĐH Thương Mại	Cử nhân ngoại ngữ		
CV HỢP TÁC QUỐC TẾ: 02 CHỈ TIÊU									
1331	1	Trần Thùy Dương		20-07-1998	CV HTQT	ĐH Ngoại thương			
1332	2	Trần Thanh Hằng		30-12-1998	CV HTQT	HV Ngoại giao	Học Thạc sĩ tại nước ngoài		
1333	3	Nguyễn Duy Hiếu	13-11-1989		CV HTQT	ĐH Ngoại thương			
1334	4	Lê Thị Lan Hương		21-10-1997	CV HTQT	HV Ngoại giao			
1335	5	Đinh Thị Thu Huyền		31-08-2000	CV HTQT	ĐH Kinh tế quốc dân		Con thương binh	
1336	6	Đào Phương Linh		05-10-1997	CV HTQT	HV Ngoại giao		Con bệnh binh	
1337	7	Nguyễn Mạnh Linh	25-01-1996		CV HTQT	ĐH Nội vụ HN	Học ĐH tại nước ngoài		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1338	8	Trần Thùy Linh		02-03-2002	CV HTQT	ĐH Ngoại Thương			
1339	9	Vũ Viết Yến Linh		04-12-2001	CV HTQT	ĐH Ngoại Thương			
1340	10	Nguyễn Hải Long	04-10-1994		CV HTQT	Ritsumeikan Châu Á Thái Bình Dương	Học ĐH tại nước ngoài		
1341	11	Trần Tuyết Mai		25-02-1999	CV HTQT	ĐH Ngoại thương			
1342	12	Nguyễn Nguyệt Minh		03-01-1997	CV HTQT	ĐH Ngoại thương			
1343	13	Trần Phương Ngọc		25-12-2001	CV HTQT	ĐH Ngoại thương			
1344	14	Nguyễn Thị Kim Như		26-08-1988	CV HTQT	ĐH Kinh tế TP HCM			
1345	15	Phạm Trang Nhung		02-04-2001	CV HTQT	ĐH Ngoại thương			
1346	16	Nguyễn Thu Thảo		12-11-2001	CV HTQT	ĐH Ngoại Thương			
1347	17	Lê Thị Thu		25-07-2000	CV HTQT	HV Ngoại giao			
CV ĐOÀN THANH NIÊN: 01 CHỈ TIÊU									
1348	1	Trần Tuấn Anh	24-06-1999		CV Đoàn Thanh niên	HVNH			
1349	2	Trần Linh Chi		06-05-2001	CV Đoàn Thanh niên	ĐH Luật - ĐHQGHN			
1350	3	Ngô Công Chức	08-10-2001		CV Đoàn Thanh niên	ĐH Công đoàn			
1351	4	Trần Văn Cường	21-05-1986		CV Đoàn Thanh niên	ĐH Luật HN			
1352	5	Nguyễn Hữu Điền	25-10-2001		CV Đoàn Thanh niên	HV Thanh thiếu niên VN			
1353	6	Vũ Lam Giang		17-11-2001	CV Đoàn Thanh niên	ĐH Kinh tế - ĐHQGHN			
1354	7	Trần Ngọc Quang Huy	21-10-1993		CV Đoàn Thanh niên	ĐH Nội vụ HN			
1355	8	Nguyễn Thanh Huyền		08-04-1999	CV Đoàn Thanh niên	Khoa Quốc tế - ĐH Quốc gia HN			
1356	9	Lê Đăng Khoa	09-10-2000		CV Đoàn Thanh niên	ĐH Kinh tế quốc dân			
1357	10	Kiều Thị Loan		16-07-1986	CV Đoàn Thanh niên	Viện Đại học Mở Hà Nội			
1358	11	Nguyễn Văn Phúc	18-09-1999		CV Đoàn Thanh niên	ĐH Nội vụ HN			
1359	12	Nguyễn Thị Bảo Tiên		11-11-1998	CV Đoàn Thanh niên	ĐH Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	Bảng Ths do CSĐT nước ngoài cấp		

STT tổng	STT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1360	13	Huỳnh Lâm Trường	25-01-2001		CV Đoàn Thanh niên	ĐH Kiểm sát HN			
CV QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG - PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM, CHUYÊN ĐỔI SỐ: 10 CHỈ TIÊU									
1361	1	Phạm Thị Ninh Giang		09-07-1996	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	HV Quản lý giáo dục			
1362	2	Phạm Minh Hằng		05-05-2000	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Quốc tế - ĐHQGHN			
1363	3	Nguyễn Văn Hiền	15-07-1983		CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Công nghệ - ĐHQGHN		Con TB 3/4	
1364	4	Nguyễn Trung Hiếu	22-06-1981		CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Bách khoa HN			
1365	5	Đỗ Thị Thanh Huế		22-09-2001	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Kinh tế quốc dân			
1366	6	Lê Thị Khánh Huyền		24-07-2000	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Công nghệ STANKIN	Học ĐH tại nước ngoài		
1367	7	Hà Bảo Linh		27-12-1998	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Sư phạm kỹ thuật Nam Định			
1368	8	Nguyễn Thị Linh		14-05-2001	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	HVNH		DT Cao Lan	
1369	9	Trần Nguyên Minh	21-09-2000		CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	HV Hành chính Quốc gia			
1370	10	Nguyễn Bích Ngọc		27-11-1990	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Thương Mại			
1371	11	Ngô Thị Quế		27-07-1983	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	HV Kỹ thuật Quân sự		Con TB 3/4	
1372	12	Võ Thị Thanh Sang		22-06-1991	CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Công nghiệp HN			
1373	13	Bùi Hồng Sơn	19-06-2001		CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Tài nguyên môi trường			
1374	14	Lương Anh Tuấn	08-04-1994		CV QLHĐ CNNH - PTPM CDS	ĐH Bách khoa HN			
CV QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG - CÔNG NGHỆ PHẦN CỨNG VÀ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG (LÀM VIỆC									
1375	1	Nguyễn Lê Hoàng Giang	25-08-1984		CV QLHĐ công nghệ NH - CNPC và QTHT (Sơn Tây)	ĐH Kinh tế quốc dân			
CV QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG - CÔNG NGHỆ PHẦN CỨNG VÀ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG (LÀM VIỆC									
1376	1	Phạm Đức Anh	08-12-2001		CV QLHĐ công nghệ NH - CNPC và QTHT (Trụ sở chính)	ĐH Bách khoa HN			

STT tổng	STT	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
1377	2	Trần Văn	Dũng	13-03-1989		CV QLHĐ công nghệ NH - CNPC và QTHT (Trụ sở chính)	ĐH Bách khoa HN		Sỹ quan dự bị	
1378	3	Nguyễn Duy	Hung	13-04-1995		CV QLHĐ công nghệ NH - CNPC và QTHT (Trụ sở chính)	ĐH Thương Mại			
1379	4	Trần hạnh	Nguyễn	17-09-1999		CV QLHĐ công nghệ NH - CNPC và QTHT (Trụ sở chính)	ĐH Nội vụ HN			
CV QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG - QUẢN TRỊ MẠNG: 02 CHỈ TIÊU										
1380	1	Nguyễn Văn	Dũng	27-07-1991		CV QLHĐ CNNH - Quản trị mạng	ĐH Mỏ - Địa chất			
1381	2	Trần Ngọc	Dũng	03-07-1988		CV QLHĐ CNNH - Quản trị mạng	ĐH Bách khoa HN		Con TB 3/4	
1382	3	Triệu Huy	Hoàng	09-06-1983		CV QLHĐ CNNH - Quản trị mạng	HV Kỹ thuật Quân sự		Con TB 4/4	
1383	4	Trần Thị	Nhung		30-08-1996	CV QLHĐ CNNH - Quản trị mạng	Viện Đại học Mở Hà Nội			
1384	5	Nguyễn Ngọc	Thắng	23-11-1998		CV QLHĐ CNNH - Quản trị mạng	ĐH Giao thông vận tải			
1385	6	Nguyễn Vũ	Thuyết	18-03-1985		CV QLHĐ CNNH - Quản trị mạng	HV Kỹ thuật Quân sự			

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Trần Anh Tuấn**

